

CHÍNH TRUNG
BIÊN TÁC

Đạo
Nhân
Hàn

THEO PHONG CÁCH
PHẬT GIÁO



THAIHABOOKS
Knowledge for the Future



NXB DÂN TRÍ

Đi
đi
đi



Đôi lời giới thiệu

Tôi biết tâm nguyện đạo hữu Chính Trung ấp ủ về ý tưởng viết cuốn “*Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo*” từ lâu, và tôi tán thán ý tưởng này, ủng hộ thực hiện và hứa viết lời giới thiệu khi sách hoàn thành.

Đọc qua bản thảo, thấy đề mục của sách hoàn chỉnh tạo cho người xem cảm giác an nhiên, tĩnh tại và có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, lợi lạc cho người muốn tìm một phong cách sống của Phật Giáo giữa cuộc sống đời thường hối hả, bon chen, thực dụng xảy ra hiện nay trong xã hội chúng ta.

Xin giới thiệu đến thức giả, bạn đọc gần xa, đọc và thưởng lãm một phong cách sống mà tác giả Chính Trung đã để cả tâm mình vào đấy.

Viết tại Chùa Xá Lợi

Mùa An Cư 2556 (2012)

Tỳ Kheo Thích Đồng Bổn

Thượng Tọa Chùa Phật Học Xá Lợi

Trưởng ban Ban Phật Giáo Việt Nam

(Thuộc Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam,

Thành phố Hồ Chí Minh)

Người thầy của Tâm Thư Pháp

Ở Sài Gòn ai cũng biết thầy, nhất là dân thích thư pháp và nghệ thuật. Tôi thì cứ vào Sài Gòn là nhất định phải đến thăm thầy, thăm thư viện có nhiều sách hay và quý do chính thầy làm thủ thư, ngắm biết bao bức thư pháp do chính thầy sáng tác và uống trà, đàm đạo với thầy. Thầy có cái tên cũng rất ý nghĩa: Chính Trung.

Tôi mê thư pháp nên trong nhà tôi có đến mấy chục bức thư pháp. Bao nhiêu năm nay, mỗi lần Tết đến, tôi hay đi mua hay xin chữ ở Tây Hồ và các chùa tại Hà Nội. Tôi mãi mê ngắm vẻ đẹp của từng con chữ, nét chữ (chủ yếu là chữ Hán) và cảm nhận ý nghĩa của những tác phẩm này.

Tuy nhiên, vài năm gần đây tôi mới biết đến thư pháp tiếng Việt. Rồi đặc biệt tôi có duyên lành biết đến một môn nghệ thuật mới - Tâm Thư Pháp. Người đầu tiên giảng cho tôi, chỉ ra cho tôi sự kỳ diệu này chính là thầy Chính Trung ở chùa Xá Lợi, thành phố Hồ Chí Minh.

Thầy Chính Trung dành ra các ngày chẵn trong tuần: thứ 2, thứ 4, thứ 6 và cả chủ nhật nữa để có mặt tại thư viện chùa Xá Lợi, quận 3. Tại đây thầy hướng dẫn những ai muốn học Tâm Thư Pháp, phân tích ý nghĩa từng nét, từng phần trên mỗi con chữ cho bất cứ ai quan tâm. Bạn ngắm các bức thư pháp đã thích, nhưng nếu được trực tiếp nghe thầy Chính Trung giảng, phân tích nữa thì chắc chắn bạn còn mê hơn. Tâm Thư Pháp rất rất đặc biệt.

Thầy Chính Trung luôn sẵn lòng giảng cho bạn về cách hình tượng hóa những con chữ để có tính phổ quát cao, về bút lý, tức cơ sở của bút viết, rằng tại sao lại viết như vậy. Thầy phân tích rõ ràng cần có cả hai thứ: đúng nghĩa và thể hiện ý tưởng của mình trong từng nét chữ.

Thầy Chính Trung giảng cho các trò cách viết thư pháp (tôi nghĩ là sáng tác thì đúng hơn). Rằng viết thư pháp như người quét nhà.

Đơn giản vậy. Đưa ngọn bút qua phải để quét về bên trái. Đưa ngọn bút lên trên để quét xuống dưới. Thật tuyệt diệu và dễ hiểu.

Thầy Chính Trung nói rằng viết thư pháp chính là việc co duỗi các ngón tay, để thể hiện từng con chữ theo thư pháp. Rằng mỗi nét chữ của Tâm Thư Pháp đều hàm chứa ý nghĩa. Và rằng chúng ta phải thật sự sáng tác bằng tâm. Đúng vậy, khi ngắm các bức thư pháp của thầy, tôi thấy khách tham quan phân tích, cảm nhận và suy luận theo rất nhiều góc độ khác nhau!

Trong những chữ được thầy tặng, tôi rất thích chữ Nhẫn. Chữ NHẪN của thầy đặc biệt ở chỗ dấu ngã được thầy đặt bên dưới. Và dưới cùng là câu do chính thầy viết: **“Nhờ ân nhân ngã nhẫn”**. Hóa ra nhờ ơn của mọi người quanh mình ta mới nhận ra bản ngã của mình, mới biết cái tôi của mình. Hóa ra mình cần đưa mọi người lên trên, còn ta và cái ngã của ta phải đặt ở dưới cùng. Hóa ra cần khiêm cung và hạ thấp mình xuống. Và không thể không cảm ơn bất cứ ai quanh mình đã tạo duyên để ta tu tập. Chính những ai mắng chửi ta, nộ nạt ta, đối xử không tốt với ta là những bậc thầy tuyệt vời. Đó chính là pháp để ta tu tập, để có hạnh nhẫn.

Thư pháp là một nghệ thuật. Tâm Thư Pháp phải là nghệ thuật của nghệ thuật. Viết Tâm Thư Pháp quan trọng nhất là tâm người viết. Nếu chúng ta viết bằng tâm, nhất định người xem sẽ cảm nhận được.

Tôi vô cùng vui mừng khi biết thầy Chính Trung đã chính thức hoàn thành bản thảo cuốn sách *“Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo”*. Tôi là người đầu tiên cầm bản thảo này, là người đầu tiên đọc bản thảo của thầy.

Tôi thì muốn đặt tên cuốn sách là *“Đắc Nhân Tâm trong Tâm Thư Pháp”*, bởi thầy Chính Trung đã thể hiện rất rõ Đắc Nhân Tâm trong từng nét chữ, trong từng bức thư pháp của mình. Mà ở Việt Nam, tôi chưa tìm thấy ai sáng tác Tâm Thư Pháp tuyệt vời hơn thầy!

Tôi biết rằng cuốn sách ra đời sẽ nhận được sự chào đón nhiệt thành của bạn đọc cũng như giới yêu văn hóa nghệ thuật. Tôi biết rằng đây là món quà quý giá sẽ được mua để tặng nhau. Tôi chắc rằng biết bao học trò của thầy và Phật tử cũng như những ai quan tâm đến thư pháp và nghệ thuật đang đón chờ. Và hơn thế nữa...

Thầy Chính Trung chỉ có một tài sản duy nhất - tâm thầy. Những bức thư pháp mà tôi và bạn được thấy chỉ là một phần của tâm thầy mà thôi!

TIẾN SĨ NGUYỄN MẠNH HÙNG

Vài dòng cảm nghĩ

Hân hạnh nhận được bản thảo “*Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo*” của chính tác giả - cư sĩ Chính Trung - Nhà Tâm Thư Pháp Việt Nam - một vị học Phật uyên bác. Tôi đọc đi đọc lại rất nhiều lần và vô cùng tâm đắc, hoan hỷ, an lạc tận hưởng những nét thư pháp tài tình, trác tuyệt, cảm giao, cũng như ý tưởng nội dung trong sách mà tác giả ân cần chuyển tải đến người học.

Đúng như những gì tác giả muốn nói, nếu bạn muốn tìm hiểu Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo với một ý nghĩ tò mò, so sánh, thỏa mãn tri thức... thì bạn hoàn toàn thất vọng. Muốn “được” tâm người, trước tiên bạn phải “được” (làm chủ) tâm mình. Vậy, tâm mình là gì? Chân tâm? Vọng tâm? Chân, vọng chỉ là hai mặt của sự đối đãi, như nói Anh và Tôi, Chúng ta và Mọi người..., thật ra chỉ là một không khác. Bởi tất cả chúng sinh theo quan điểm Phật Giáo, ai cũng bình đẳng như nhau, đều có Phật tánh, chẳng qua chúng ta bị vô minh, che mờ nên đã “QUÊN” nhau, như tác giả đã trình bày trong sách:

“QUÊN nhau từ thuở xưa rồi

Xui chi che mặt để giờ ‘QUÊN’ nhau”

Khi hiểu Anh cũng như Tôi, Anh là Tôi, Tôi là Anh, thì làm chủ tâm Tôi tức là “được” lòng Anh, vì Tôi và Anh không hai, không khác, tình thương dành cho Tôi là cho Anh, chan hòa vị vô ngã, thì lúc ấy một ánh mắt, một nụ cười, một cái bắt tay, một lời nói, một hành động dù nhỏ hay lớn, dù tác ý hay vô tình, đều nhậm vận tự nhiên hợp với nhau, tương ứng nhau, không chống trái, tùy thuận nhau như đã QUÊN nhau... tự thuở nào vậy. Đối với Lục hòa mà không bắt nguồn từ tình thương muốn xây dựng, bổ khuyết cho nhau cùng tiến bộ, cùng hòa hợp, cùng phát triển thì e rằng “bằng mặt mà không bằng lòng”, “đồng sàng dị mộng” mà thôi. Do đó, chương cuối cùng tác giả mới đề cập đến Lục hòa, Tứ nhiếp pháp coi

như là điều kiện cần của người học Phật muốn “Đắc Nhân Tâm” nhưng không thể đủ, nếu không có chương đầu tiên là “Tình thương”. Đó cũng chính là huệ nhãn sâu sắc của người học và hành theo Phật mới có thể nhìn thấy “Phật” và cũng là điều mà tôi tâm đắc với tác giả nhất, trong toàn bộ nội dung của quyển sách này.

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy:

*Vui thay chúng ta sống,
Không hận giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống không hận thù.
Vui thay chúng ta sống,
Không bệnh giữa ốm đau!
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống không ốm đau.
Vui thay chúng ta sống,
Không rận giữa rận ràng,
Giữa những người rận ràng,
Ta sống không rận ràng.*

Sống như vậy là sống với tình thương, làm chủ tâm mình mà “được” tâm mình, tất nhiên cũng “được” tâm người.

Mùa Hạ năm Nhâm Thìn (2012)

Cư sĩ Minh Ngọc* cẩn trọng ghi

Lời nói đầu

Trong dòng đời triền miên bất tận này, quan hệ giữa người và người, giữa cá nhân và tập thể diễn ra với muôn vàn hình thức giao tiếp.

- Một cái nhìn với nhau - là một sự tiếp xúc.
- Tiếng điện thoại vang lên - là một sự tiếp xúc.
- Mùi hương thoang thoảng đâu đây - là một sự tiếp xúc.
- Ý tưởng vừa nổi lên trong tâm thức - là một sự tiếp xúc.

Vâng!

Ngày nay, khi mà hệ thống thông tin càng phát triển, mật độ tiếp xúc càng dày đặc; trong nhà ngoài ngõ, mọi lúc mọi nơi, hầu như sự tiếp xúc luôn có mặt, cho dù ta cố ý hay vô thức.

Giao tiếp được thực hiện, từ nguyên nhân nào cũng đều tạo thành kết quả tương ứng.

Quả được kết, khi thì tốt, khi thì xấu. Có khi không tốt cũng không xấu. Có khi vừa tốt lại vừa xấu.

Một vấn đề được nêu lên, từ những người mong muốn sự hoàn mỹ để phục vụ tốt hơn cho mọi người, cho cuộc đời: **Bằng cách nào khiến sự tiếp xúc luôn luôn mang lại kết quả tốt?**

- Chúng ta sẽ thảo luận vấn đề này để tìm giải pháp tối ưu.

* **VỀ PHẦN NGƯỜI VIẾT:** Vấn đề vừa nêu được giải đáp qua bản tiểu luận khái quát thành nhan đề: **“Đắc Nhân Tâm THEO PHONG CÁCH Phật Giáo”**. Bên trong, tác giả trình bày quan điểm, phương pháp của bản thân.

Xin được nói đôi nét về tựa sách. Thoạt tiên, dự kiến sách mang tên là: “Một số kinh nghiệm của bản thân trong việc giao tiếp”. Khi viết xong bản thảo, tôi trình lên Thầy, thỉnh cầu nhuận chính. Thầy góp ý đề tựa sách là: **“ĐẮC NHÂN TÂM THEO PHONG CÁCH PHẬT GIÁO”**. Tôi đã vâng theo ý Người.

- Đọc đến đây, Tôi đoán Bạn sẽ nêu câu hỏi: Vậy, Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo, có gì đặc biệt so với Đắc Nhân Tâm theo phong cách khác?

- Xin thưa: Câu hỏi sẽ được hồi đáp ở phần cuối sách (xin đừng vội đọc ngay những trang đó).

*** ĐỐI VỚI BẠN ĐỌC:** Trách nhiệm và bốn phận của người viết là tham gia, gợi ý, còn nghiền ngẫm để rút ra từ đây những phương pháp thiết thực - như chúng ta thường làm khi khảo cứu một văn bản nào đó rồi thực hành hay chẳng thực hành (Đọc để chơi, để giết thời giờ đấy mà!) hoàn toàn do Bạn quyết định. Vì chính Bạn là người ảnh hưởng hoặc chịu ảnh hưởng từ các cuộc tiếp xúc của Bạn với các đối tượng.

Bạn đọc! Ấp ủ đề tài từ lâu, đến nay Tôi hài lòng cho sách ra mắt quý vị. Tôi chân thành bày tỏ lòng tri ân đến các tác giả những quyển sách mà tôi tham khảo. Các vị là Thầy, là bậc Thiện Tri Thức, là Bạn, đã dạy cho tôi nhiều điều thật bổ ích, để Tôi vinh hạnh viết ra nơi đây gọi đến các Bạn. Và cùng nói với nhau, chúng ta cảm ơn đời đã tạo nhân duyên, cơ hội cho cuộc thảo luận đề tài này. Một đề tài luôn luôn mới và có ích cho cuộc sống, luôn luôn mới và có ích cho mọi người.

*Em như tia lửa nhỏ
Nơi căn bếp đơn sơ
Lòng em dòng máu đỏ
Chứa chan tự bao giờ*

*Ở cõi đời lộng gió
Em sẽ bùng sáng lên
Hay lụi tàn lịm tắt
Câu hỏi lớn cuộc đời*

*Xuân hạ thu đông đến
Xuân hạ thu đông đi
Xuân hạ thu đông lại
Xuân hạ thu đông mãi*

*Và em tôi lửa nhỏ
Em sẽ bùng sáng lên
Chói chang như mặt trời
Giữa cõi đời lộng gió.*

Bằng cách nào để mỗi chúng ta sẽ “Bùng sáng” lên bây giờ và mãi mãi. Ở đây và khắp nơi, chói chang như mặt trời?

Lưu Sao
mà có
Sự phân biệt
giữa người
Đầu cùng đời
và
Một lúc cùng đời
Lời Đức Phật



Mời Bạn dành chút thời gian đọc sách này. Biết đâu Bạn sẽ tìm được một phương pháp tuyệt hảo cho chính Bạn, cho chính cuộc đời

mà các Bạn đang sống với, sống cùng!

Sách được viết cẩn thận, trước khi đến tay Bạn đọc. Tôi tự tin khi nói và viết điều này. Song tôi vẫn luôn lo rằng nó còn khuyết điểm, Bạn sẽ bổ túc giùm nhé.

Thư gửi xin đề tên: CHÍNH TRUNG

Địa chỉ: 79 Nguyễn Du, P7 Gò Vấp,

Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoặc liên hệ điện thoại: 0909. 660. 825

Rất mong đón nhận ý kiến của các Bạn.

*Nhặt nhanh bao nhiêu đem đặt xuống
Nơi trang giấy trắng tươi mờ hôi
Hạt thơm mầm nảy chồi vươn thẳng
Một chút tình thơ, vụn nghĩa đời.*

Viết tại Thư Viện Chùa Phật Học Xá Lợi

Mùa Phật Đản 2556

CHÍNH TRUNG *cẩn bút*

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát

- Chứng Minh -

Chương I

Tiên đề: Chúng ta là Anh Em

Ngay khi Tôi tác ý viết tiểu luận này, Tôi liền biết Bạn - Người đọc sách - và Tôi vốn có liên hệ. Liên hệ đó có thể là cùng huyết thống, cũng có thể là cùng một mối thâm giao. Cũng như khi Bạn cầm quyển sách và bắt đầu đọc những dòng chữ đầu tiên, thí dụ như là tựa sách chẳng hạn, thì dù Bạn cảm nhận hay chưa cảm nhận, Bạn vẫn cùng Tôi chung một hệ thống - Bạn và Tôi là Anh, là Em, là họ hàng thân thích, là bằng hữu của nhau!

Bạn ạ!

***QUEN** nhau từ thuở xưa rồi
Xui chi che mặt để giờ **QUÊN** nhau*

(Mời bạn thưởng ngoạn bức Tâm Thư Pháp chữ **QUÊN** tiếp theo đây).



Bạn thấy chẳng!

Nguyên là chữ QUEN, nhưng khi đội lên chiếc nón lá (dấu ^), dù là chiếc nón lá nên thơ, thì chữ QUEN đã biến thành chữ QUÊN.

Loài người chúng ta đang ở trong tình thế như vậy! Từ xa xưa, chúng ta đã QUEN biết nhau, nhưng trải qua bao cuộc luân hồi, ngẫu lục tang thương, tập nhiễm các cái xấu tốt lẫn lộn (đội thêm nón lá đó) nên từ QUEN biến thành QUÊN, rồi từ QUÊN trở thành XA LẠ. Từ XA LẠ hóa ra NGƯỜI DỪNG NƯỚC LẠ; xem nhau như NGƯỜI DỪNG NƯỚC LẠ nên dễ biến **hờn** thành **giận**, biến **giận** thành **thù**, biến **thù** thành **sát hại** lẫn nhau. Ôi! Thảm họa nhân gian bắt đầu từ đây. Từ cái chỗ **quên** nhau!

Ôi!

Gặp nhau hờ hững, hững hờ

Giữa đường hoa nắng, bơ vơ độc hành!

Có người nói: Sở dĩ có thù hận, tranh giành, cướp hại giữa những người, chiến tranh giữa những nước, nguyên do là vì tranh quyền, đoạt lợi lẫn nhau, gốc gác từ chỗ tham si, xét cho cùng cũng vì hai chữ kinh tế.

Nói và hiểu như vậy, do họ nhìn nhận sự kiện ấy tại nơi có điểm gốc là hiện tại hoặc ở một khoảng thời gian hai, ba mươi năm hay 100 năm. Chứ nếu nhìn từ quá khứ, các vị sẽ thấy nó bắt nguồn do bởi “**quen**” nhau. Cái nhìn trước là cách nhìn của người phạm mắt thịt. Gọi là nhìn bằng nhục nhãn. Cái nhìn sau là cách nhìn của bậc thông tuệ, gọi là pháp nhãn.

Nếu Bạn còn nghi rằng chúng ta không phải là những người vốn đã **quen** nhau thì mời Bạn xét tiếp.

Vâng!

Bạn thử nghĩ xem có hàng tỷ người trên thế giới, mà sao có sự trùng hợp đến lạ thường: Bạn và Tôi đang nghĩ về quyền sách. Chẳng phải Bạn đang đọc nó ư? Sự lạ thường đó, Tôi nghiêm chỉnh giải thích, bởi vì Tôi và Bạn vốn là Bạn, là anh em, là quan hệ của nhau.

Bạn xét tiếp.

Khi viết, Tôi có thể “tức khắc” dừng lại cũng như khi đọc, Bạn có thể “tức khắc” dừng lại.

Sau khi dừng, Tôi có thể “tức khắc” tiếp tục viết, cũng như sau khi dừng, Bạn có thể “tức khắc” tiếp tục đọc.

Đặc tính “tức khắc” này, nơi Bạn và Tôi, chỉ có ở những người cùng chung một hệ thống sinh trưởng (khoa Di Truyền Học đã chứng minh: Ở những cặp sinh đôi, sinh ba,... thì các đứa trẻ thường có những suy nghĩ, hành động giống nhau). Dân tộc ta cùng một “Mẹ Âu Cơ”, nên Bạn thấy chẳng chúng ta có màu da, màu mắt, vóc dáng, đặc

tính sinh hoạt giống nhau và khác xa với những người ở nước khác. Đâu phải không duyên có mà người xưa gọi nhau là “Đồng bào”.

Lại nữa, khi Bạn và Tôi đều có đặc quyền “tức khắc” đối với quyển sách. Nghĩa là, sách mang tính chất “vật thuộc về” chúng ta. Sách ở trong nhà chúng ta. Chúng ta ở chung một ngôi nhà lớn có sách - đó là cuộc đời - và trọn quyền sử dụng như nhau. Ở chung một ngôi nhà thì phải là Anh Em, dòng họ, thân quyến của nhau, phải không?

Mời Bạn thưởng thức bức Tâm Thư Pháp ÂN TÌNH dưới đây.

Vâng! Chúng ta đều chung sống dưới mái gia đình ÂN TÌNH, thì sao lại là người xa lạ cơ chứ? Bạn có dám nghĩ hay nói rằng: Đời bạn không thụ ân, không thọ tình của bất cứ một ai hay không?

Hửn, Bạn đang phì cười trước lập luận của Tôi, thậm chí Bạn còn cho đó là càn rỡ.



Nhưng thưa Bạn, Tôi rất nghiêm chỉnh khi nói và viết điều này.

Bạn hẳn biết. Cách đây hơn 11 thế kỷ, Tổ Quy Sơn Linh Hựu - một vị học và hành theo Phật, đã có thành quả, trở thành vị Tổ Khai Sơn của dòng thiền Quy Ngưỡng tại Trung Quốc - từng cảnh sách chúng ta rằng:

*Giả sử thiên bách kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Quả báo hoàn tự thọ.*

Thiền sư Việt Nam hiện đại, Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch là:

*Giả sử trăm nghìn kiếp
Nghiệp đã tạo không quên
Nhân duyên khi gặp gỡ
Quả báo lại phải chịu.*

Hòa Thượng giảng: “Đây là Tổ dẫn trong Kinh Nhơn Quả. Giả sử chúng ta đã tạo nghiệp, dù trải qua trăm ngàn kiếp, nghiệp đó cũng không mất. Khi hội đủ duyên thì quả báo sẽ đến và chúng ta phải nhận chịu. Đôi khi chúng ta tưởng những việc chúng ta đã làm sẽ qua mất theo thời gian, nhưng thật sự nó không mất mà âm hưởng vẫn còn. Như tiếng nói phát ra chúng ta tưởng là mất, nhưng thật sự nó vang ra và còn lưu lại đâu đó. Điều này bây giờ khoa học đã giúp chúng ta thấy rõ. Những hành động của chúng ta cũng thế. Tuy nhiên, không mất mà mất, mất mà không mất. Giả sử như khi chúng ta có quyền thế, đối với những người xung quanh lắm lúc ta có những lời lẽ hay hành động khinh miệt đối với họ. Lúc đó tuy bên ngoài vì sợ uy lực của ta nên họ không dám buồn trách, nhưng trong lòng họ nhớ mãi. Đến một ngày nào đó, chúng ta sa cơ thất thế, người kia có uy thế hơn, bấy giờ họ sẽ trả thù. Chừng ấy mới thấy Nhơn quả rõ ràng. Là người tu biết rõ lý Nhơn quả thì chúng ta phải dè dặt từng hành động, từng lời nói vậy. ”

Rồi lâu xa hơn nữa.

Cách đây hơn 25 thế kỷ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng tuyên thuyết về điều đó trong Kinh Nhơn Quả (các Bạn rất nên tìm đọc).

Bạn sẽ không tìm được trong kinh văn những lời y như Tôi nói, mà Bạn sẽ suy ngẫm và bắt gặp từ nơi đó, những ý tưởng giống như Tôi nói. Bởi lẽ, tư tưởng, nhân sinh quan của Tôi được hấp thụ từ nơi đó.

Vậy, Tôi đề nghị chúng ta cùng nhau tuyên ngôn câu linh ngữ sau đây:

**CHÚNG TA LÀ ANH EM - CHÚNG TA LÀ ANH EM -
CHÚNG TA LÀ ANH EM.**

Để đứng trên mảnh đất tình người ruột thịt, chúng ta cùng nhau thảo luận đề tài: **ĐẮC NHÂN TÂM THEO PHONG CÁCH PHẬT GIÁO .**

Đời
mãi vẫn mãi
Tôi đã sống
Sống
Trên đời
Vẫn yêu
Yêu thương



Chương 2

(Bạn sẽ thống nhất với Tôi, đặt tên cho chương này, sau cuộc thảo luận dưới đây của chúng ta)

Chúng ta cùng xét:

- Đắc Nhân Tâm tức được lòng người.
- Được lòng người! Để làm gì cơ chứ?
- Để công việc của ta được thuận lợi, được xuôi chèo mát mái, đem lại kết quả như ý, hoặc gần như ý, nhằm củng cố sự nghiệp của bản thân hoặc rộng hơn là của tập đoàn mình.
- Ở chương I, Bạn đã thấy Tôi nêu lên một nền tảng căn bản - một sách lược - đó là xác định một cách chắc chắn và kiên trì như vậy: Đối tượng mà mình đang tiếp xúc, sẽ tiếp xúc là **Anh Em** của mình (Bạn có thể không đồng tình với lập luận của Tôi nêu ở chương I - không sao - Bạn cứ xem đó như một 34 35 tiên đề. Giống như tiên đề Euclide trong toán học. Như thế, chúng ta dễ nói chuyện với nhau hơn), nói theo thuật ngữ nhà Phật, tức là dùng mắt từ bi để nhìn nhận chúng sinh: “Từ nhân thị chúng sinh”. Tức là dùng lòng từ bi để đối đãi quần chúng. Từ bi là thuật ngữ Phật Giáo, nghĩa thực dụng của nó là tình thương, tình thương cao cả, thiêng liêng dành cho mọi đối tượng trong cuộc đời - Thương người đang đau khổ
- Thương người chưa thành công
- Thương người hay hờn giận
- Và thương cả những người đang vui cười, hạnh phúc. (Bởi họ đâu biết vô thường đang núp trong nụ cười và niềm vui sướng của họ),...

Và khi Bạn thương người đạt đến mức độ:

Thương người như thể thương thân

Là Bạn đã tiếp cận và sắp nắm bắt được bí quyết của nghệ thuật Đắc Nhân Tâm rồi đó.

Tôi có quen với hai vị cư sĩ phái nữ đứng tuổi, họ đã có thông gia. Một hôm, sau khi lễ tụng xong thời kinh ở chùa, Tôi vô tình nghe được đoạn đối thoại sau đây của hai vị ấy:

- Bà A hỏi bà B: Chị đã đối xử như thế nào mà con dâu của chị, tôi thấy nó thương chị quá, chăm sóc, lo từng ly từng chút cho chị.

- Bà B cười đáp: Có gì đâu chị ơi! Tôi thương nó như con ruột của tôi. Chị biết không, khi nó bị bệnh, tôi đã chăm sóc nó rất chu đáo, đến giặt đồ dơ của nó, tôi cũng chẳng từ nan.

Ồ! Bà mẹ chồng này sao giống như bà mẹ trong Kinh “Báo đáp công ơn cha mẹ” mà Đức Phật đã truyền dạy quá!

.....

Điều thứ 7 không chê ô uế

Giặt đồ dơ của trẻ không phiền

Nên chẳng lạ gì nàng dâu lại chăm sóc bà mẹ chồng chu đáo như vậy.

Phàm, hễ gieo hạt giống nào, theo thời gian hạt giống ấy sẽ nảy mầm, ra chồi, ra lá, ra hoa, rồi kết quả. Bà mẹ chồng đã gieo hạt giống tình thương nơi cõi lòng nàng dâu, nên bà gặt hái được quả tình thương. Quy luật nhưn quả, ở đâu và mọi thời đều không hề sai lệch. Hiểu và nắm được quy luật này, vận dụng nó vào cuộc đời của mình, Bạn và Tôi, khi có dịp tiếp xúc, hay chưa tiếp xúc với một nhân vật nào đó dù sang hay hèn, dù thân hay sơ, chúng ta nên tác ý như vậy:

- Khởi lên tình thương yêu đối với người ấy trong tâm khảm. Khởi lên ý niệm người ấy là Anh, Chị, Em của bản thân. Nhờ đây, ta tôn trọng đối tượng. Rồi phát ra thái độ, ngôn ngữ, cử chỉ, động tác, mang tính chất yêu thương, tôn trọng để đối đãi với đối tượng.

Bạn sẽ nhận được kết quả vượt qua cả hiệu quả “Đắc Nhân Tâm” mang lại.

Tôi có quen một người bạn phụ trách kinh doanh cho một công ty phân bón ở thành phố này. Bạn ấy đã chỉ đạo cho nhân viên thuộc quyền phương cách như sau:

- Hễ chuông điện thoại vang lên, các vị phải nghĩ trong đầu: À! Có khách mang nguồn lợi lộc đến cho mình. Các vị phải mỉm cười, lập đi lập lại 3 lần như vậy, rồi mới được nhắc máy lên. Câu đầu tiên phải nói là: Cảm ơn quý khách đã gọi cho chúng tôi.

- Khi chuông điện thoại chưa vang, các vị phải nghĩ trong đầu: À! Các đại lý, bạn hàng của mình đang bận rộn bán hàng. Cầu cho các vị ấy bán được nhiều hàng.

Bạn biết không, nhờ áp dụng phương cách đó mà Bạn tôi đã giúp đưa công ty đạt được thành tích cao trong hệ thống các công ty phân bón của thành phố, của toàn miền. Hiện nay, Bạn ấy đã tự lập công ty và làm ăn riêng.

- Vừa lòng khách đến, vui lòng khách đi.

- Khách hàng là thượng đế. Khách hàng là ân nhân của chúng tôi.

Những phương châm như thế, nếu được áp dụng một cách chu đáo, đúng đắn, chắc chắn sẽ mang lại nguồn lợi chân chính cho cửa hàng. Bởi vì phương châm đó một cách vô thức đã áp dụng “tình thương” đối với khách hàng.

Từ tiên đề **Chúng ta là Anh Em** và sự vận dụng quy luật nhơn quả, suy ra hệ luận:

Dùng TÌNH THƯƠNG khi giao tiếp.

Cũng hợp lý phải không?

Chúng ta lập biểu đồ sau cho chương này.

Tác ý	Thể hiện	Nhận lại kết quả
Gieo hạt giống yêu thương vào cộng đồng xã hội	- Qua ngôn ngữ - Cử chỉ - Hành động	Yêu thương chứ nói gì chỉ Đắc Nhân Tâm

Có một câu hỏi mà tôi nghĩ nên nêu ra ở đây.

Trong thực tế, tình thương hay tình cảm, cảm xúc chỉ phát sinh khi sự tiếp xúc, giao tiếp xảy ra. Rồi sau đó mới có hay không có thành quả “Đắc Nhân Tâm”? Nơi đây tác giả đề nghị phải khởi lên tình thương trước khi có sự tiếp xúc, thì có vẻ như là lấy đuôi làm đầu vậy?

Đây là câu hỏi hay!

Chúng ta cùng xét.

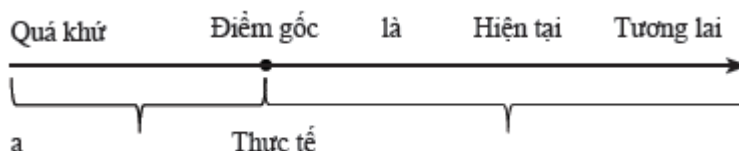
Trong “thực tế” (cụm từ mà Bạn đang dùng đó) tình cảm sẽ nảy nở giữa hai đối tượng gặp nhau ít nhất là một lần, rồi phát triển theo hướng tốt hoặc xấu với sự tham dự của thời gian. Đó là ta đã tự chọn một cách vô thức điểm gốc cho “thực tế”, theo đó điểm gốc của thời gian là hiện tại, chiều thuận là tương lai và chiều nghịch là quá khứ. Do đó, ta chỉ nhận được kết quả tương ứng cho quãng thời gian từ hiện tại đến tương lai. Chúng ta bỏ quên một cách vô thức thời gian, không gian quá khứ, chúng ta cũng bỏ quên cả nhân vật của quá khứ - một thực thể vốn là tiền thân của hiện tại.

Còn khi chúng ta đạt được ý niệm “thực tế” gồm cả quãng thời gian, nơi chốn quá khứ mà ý thức chúng ta ngày nay không thể nào đạt được khả năng biết tường tận đối tượng này cho đến bây giờ và kéo dài đến mai sau, nghĩa là “thực tế” không bị ràng buộc bởi điểm

gốc được chọn một cách vô thức là hiện tại, chúng ta nhận ra ngay rằng: Tác ý khởi lên tình thương đối với mọi người đang gặp hay chưa gặp, đang tiếp xúc hay chưa tiếp xúc không có gì là ngược nghịch cả, mà trái lại: Đầu là tình thương rồi mới tới đuôi là Đắc Nhân Tâm. Đầu “giao tình” rồi sau mới gặt “quả tình” là Đắc Nhân Tâm.

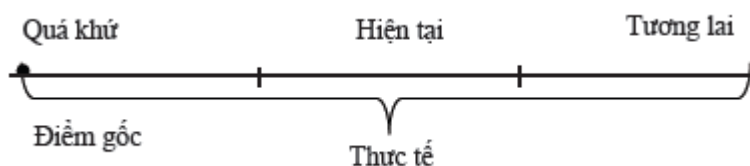
Bởi vì, tự giới hạn khi chọn điểm gốc là hiện tại cho thời gian của “thực tế” nên vô tình chúng ta lại cô lập không gian, cô lập mối liên hệ giữa ta và người. Chúng ta đối chiếu hai biểu đồ sau ắt sẽ rõ.

Khi chọn điểm gốc là hiện tại cho “thực tế”.



Khoảng cách a bị bỏ quên, chúng tỏ tư tưởng thiếu sót, hời hợt.

Khi chọn điểm gốc cho “Thực tế” ở quá khứ.



Thực tế xuyên suốt từ khởi thủy đến vô lượng định ở tương lai. Chúng tỏ tư tưởng phóng khoáng, toàn diện.

Hỏi rằng: Giữa hai loại người đại diện cho hai lối chọn điểm gốc nêu trên, loại người nào có xác suất “Đắc Nhân Tâm” cao hơn? Câu hỏi này ai trả lời cũng đúng.

Một phản biện nữa cũng cần nêu lên ở đây:

- Nếu ta và người từng là Anh Em, sao bản thân lại “không biết”?

Không phải “không biết” mà là “không nhớ”. “Không nhớ” nên lâm vào tình thế ngộ nhận là “không biết”. Sở dĩ “không nhớ” gì về

thời quá khứ cách quá xa thời hiện tại là vì chúng ta đang lâm vào tình thế “cách ắm” (Thiền Sư Thạch Liêm ở thế kỷ 17 gọi là “cách ắm”).

“Cách ắm” là một thuật ngữ Phật Giáo chỉ tình trạng gián cách dài đằng đẳng, dài đến nỗi chủ thể không thể nhớ được những sự kiện, sự việc do chính mình đã từng tham dự, tham gia (tất nhiên là với những hình dáng khác nhau).

Tôi lấy một thí dụ giúp bạn hiểu tình trạng “cách ắm” của loài người.

Thí dụ như từ thuở nhỏ, gia đình chúng ta sinh sống tại địa phương A. Rồi vì nguyên do này hay nguyên nhân khác, gia đình chúng ta phải dời sang địa phương B, rồi C, rồi D, rồi nhiều nhiều địa phương khác nữa, đến bây giờ chúng ta sinh sống tại đây. Ai là người có thể nhớ những tình trạng sinh hoạt của mình tại các địa phương A, B, C, D,... Tình trạng không nhớ do bị gián cách với hiện tại được gọi là “cách ắm” (“ắm” tức là phần tâm hồn gồm thọ, tưởng, hành, thức và phần thể xác gồm đất, nước, gió, lửa của một con người).

Như vậy, do bị “cách ắm” mà Bạn “không nhớ” được người mà Bạn đang gặp gỡ, đang tiếp xúc, sắp gặp đây, sẽ gặp đó chính là Anh Em, hoặc họ hàng, hoặc bạn bè với chính Bạn.

Tôi sẽ viện dẫn ra đây lời thống thiết của một bậc vĩ nhân của loài người - Đức Phật Thích Ca Mâu Ni - để làm bằng chứng hùng hồn cho luận điểm nêu trên.

PHẬT NÓI KINH BÁO HIẾU CHA MẸ

*Một thuở nọ Thế Tôn an trụ,
Xá Vệ thành Kỳ Thụ viên trung,
Chư Tăng nhóm hội rất đông,
Tính ra số đến hai muôn tám ngàn.*

Lại cũng có các hàng Bồ Tát
Hội tại đây đủ mặt thường thường,
Bấy giờ Phật lại lên đường,
Cùng hàng đại chúng nam phương tiến hành.
Bên đường bỗng rành rành mắt thấy
Núi xương khô bỏ đấy lâu đời,
Thế Tôn bèn vội đến nơi,
Lạy liền ba lạy rồi rơi giọt hồng

Đức A Nan tủi lòng ái ngại
Chẳng hiểu sao Phật lạy đống xương,
Vội vàng xin Phật dạy tường:
Thầy là từ phụ ba phương bốn loài,
Ai ai cũng kính Thầy đường ấy,
Cớ sao Thầy lại lạy xương khô?
Phật rằng trong các môn đồ
Ông là đệ tử đứng đầu dày công
Bởi chưa biết đặng trong chưa rõ
Nên vì nguoi ta tỏ đuôi đầu.
Đống xương đồn dập bấy lâu
Cho nên trong đó biết bao cốt hài
Chắc cũng có ông bà cha mẹ
Hoặc thân ta hoặc kẻ ta sanh
Luân hồi sanh tử tử sanh
Lục thân đời trước, thi hài còn đây
Ta lễ bái kính người tiền bối
Và ngậm ngùi vì nhớ kiếp xưa



Thầy!
Phật Lay
Hồng Kê
A Nam
Học Rộng
mở hồ
Việc thầy



Một bậc vĩ nhân đã nhận thức như thế, dạy học trò như thế, truyền pháp như thế. Bạn và Tôi chắc không thể nghĩ lệch, khác hướng tư tưởng này. Phải không? Câu hỏi ai trả lời cũng đúng.

Tóm lại, qua hai chương vừa thảo luận, chúng ta xác định được một phương pháp giao tiếp để **“Đắc Nhân Tâm”** như sau:

- Muốn có quả là **“Đắc Nhân Tâm”** thì chúng ta phải gieo **“hạt giống tình thương”** vào mọi người, quen hay lạ, chưa gặp hay đang gặp. Hạt giống tình thương ấy vốn có sẵn nơi tấm lòng. Chúng ta cứ khởi lên cứ tác ý tức là gieo rồi đó, để khi gặp bất cứ đối tượng nào, và hội đủ nhân duyên, hạt giống ấy sẽ nảy mầm thân thiện rồi kết quả **“Đắc Nhân Tâm”**.

- **Dùng Tình thương khi giao tiếp!** Sự huyền diệu của tình thương! Mẹ của Bạn, Mẹ của Tôi, Mẹ của tất cả mọi người, đều tường tận điều đó. Mẹ tác thành cho con thành nhân chi mỹ, nên người hữu dụng. Mẹ chuyển hóa tánh xấu cho con khiến con thành hiền nhân. Mẹ cải biến con từng giây từng phút, chỉ duy nhất bằng **Tình Thương Của Mẹ**. Vậy, chiếu theo những điều vừa luận trên, Tôi mạnh dạn đề nghị đặt tên cho chương này: **Tình thương là phép mầu**.

Chương 3

Biết cho trước khi nhận

Chương I: Tiên đề “Chúng ta là Anh Em”.

Chương II: Chúng ta suy ra được hệ luận: Tình thương là phép màu.

Ở chương III này, giới thiệu với các bạn sách lược “**BIẾT CHO TRƯỚC KHI NHẬN**”.

- Khi đứng vững trên mảnh đất tình người: **Chúng ta là Anh Em và hiểu rõ tường tận phép màu của tình thương**, chúng ta dễ dàng thể hiện sách lược: “**Biết cho trước khi nhận**”.

“**Biết cho trước khi nhận**” là phương pháp thiện xảo để thu phục lòng người. Bởi vì hiệu quả của nó là tất nhiên, không sai chạy nên nó được nâng lên hàng sách lược. Đây là định lý được rút ra từ giáo lý hơn quả của nhà Phật. Trong nhà Phật, khái quát nghệ thuật “cho” bằng diệu pháp “bố thí”: tài thí, pháp thí, vô úy thí.

- Cho mà cho cái gì mới được chứ?
- Cho cái mà đối phương đang thiếu, đang khao khát.
- Họ đang thiếu, đang khao khát cái gì?
- Phải quan sát mới nhận thấy được.

Bởi trước đã khởi tình thương đối với bất cứ ai nên khi tiếp xúc ta dễ nhận thấy họ đang thiếu thốn cái gì? Đây là lý luận dựa trên kinh nghiệm của bản thân người viết - Vợ nhìn nét mặt chồng. Biết ngay đấng phu quân đang cần cái gì! Phải không?

- Đa số người ở đời, thiếu thốn về danh, lợi và tình. Ba thứ đó lại kéo thêm ba thứ khác là: *Chức vị, quyền hành và thế thần*.

- Đối với sáu phần này, một con người bình thường không bao giờ đầy đủ. Với kẻ phi thường, họ sống với chủ trương TRI TỨC tức là biết đủ, nghĩa là họ khắc phục, chuyển hóa tình trạng đó bằng phương pháp “sao cũng được”. Đây là hạng người đáng khâm phục

- Do thiếu thốn nên theo nhu cầu họ sinh ra ham muốn. Sáu cái ham muốn nêu trên của người đời nằm trong phạm trù ngũ dục. Giáo lý nhà Phật gọi là TÀI, SẮC, DANH, THỰC, THÙY (tiền tài, sắc đẹp, danh vị, ăn uống, ngủ nghỉ), nói cụ thể là họ có xu hướng:

Sắc dục: Ham muốn sắc đẹp, vật chất.

Thanh dục: Ham muốn âm thanh, danh vọng, tiếng khen.

Hương dục: Ham muốn về tiếng tốt, danh vị cao, quyền thế, tiền bạc.

Vị dục: Ham muốn về ăn ngon mặc đẹp, ở cao.

Xúc dục: ham muốn tình dục thái quá hoặc những sự tiếp xúc với giới thượng lưu sang trọng trong xã hội (một biến tướng của sắc dục, thanh dục).

Bởi vậy, khi Bạn cung cấp cho họ đạt được các ham muốn đó, đương nhiên họ sẽ có thiện cảm với Bạn. Nói theo chủ đề, Bạn sẽ được lòng họ. Bạn sẽ Đắc Nhân Tâm.

- Làm thế nào để biết cụ thể họ thiếu thốn, ham muốn cái gì? Bạn phải quan sát, kiên trì quan sát. Có vài dấu hiệu mà bạn có thể căn cứ vào đó mà suy đoán trong lần gặp gỡ đầu tiên, giống như ở ngành y, căn cứ vào triệu chứng mà chẩn đoán bệnh trạng vậy.

Trong sinh hoạt của mình, con người thường biểu hiện từ bên trong ra bên ngoài bảy dấu hiệu gọi là thất tình: “Mừng, giận, lo, sợ, thương, ghét, muốn”, và tám hình thái của lời nói biểu hiện cho thất tình: lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc.

Lợi: lợi ích

Suy: hao tổn

Hủy: chê bai

Dự: gián tiếp khen ngợi người

Xung: trực tiếp ca tụng người

Cơ: dùng việc giả để nói xấu người

Khổ: gặp chuyện ngại duyên nghịch cảnh, thân tâm bị bức bách khiến cho khổ não

Lạc: gặp được tốt, cách thuận, thân tâm vui vẻ hân hoan.

Dưới đây, tôi lập ra bảng chi tiết, giới thiệu phương cách đối đãi với từng biểu hiện trên cơ sở “TAM BỐ THÍ” của nhà Phật.

Đối tượng biểu hiện qua lời nói	Tiền bạc: Tài thí	Phương pháp: Pháp thí	Vô úy thí
1. Lợi	✓	✓	✓
2. Suy	✓	✓	✓
3. Hủy	✓	✓	✓
4. Dự		✓	✓
5. Xung	✓	✓	✓
6. Cơ	✓	✓	✓
7. Khổ		✓	✓
8. Lạc		✓	✓
Biểu hiện qua thái độ, cử chỉ, tình cảm			
1. Mừng		✓	
2. Giận		✓	✓
3. Lo		✓	✓
4. Sợ		✓	✓
5. Thương		✓	✓

6. Ghét	✓	✓	✓
7. Muốn		✓	✓

Bạn thấy chẳng: Trong 15 tình huống kể trên, Bạn phải làm sao cho đối tượng không e dè, sợ sệt khi tiếp xúc với Bạn. Nghĩa là Bạn cần phải làm cho Họ xem Bạn như một người thân để Họ “vô úy” - muốn được vậy, không có cách nào thiện xảo bằng cách Bạn phải xem Họ như anh em, ruột thịt, như bạn bè thân thiết vậy. Câu kinh: Nhứt thiết chúng sinh giai hữu Phật tính (tất cả chúng sinh đều có Phật tính), còn có một nghĩa rộng là: Nhứt thiết chúng sinh giai huynh đệ (tất cả chúng sinh đều là anh em).

Tới đây, chúng ta cần xét đến một phản biện quan trọng.

Đọc những điều được viết, Tôi có cảm tưởng rằng: Người cho giống như một bậc trưởng giả, giống như một bậc đại nhân đầy đủ khả năng, phương tiện để ban phát cho đối tượng khi tiếp xúc vậy. Nếu Tôi là “kẻ nghèo” hiểu theo nghĩa đen và nghĩa bóng thì liệu Tôi có khả năng thực hành những điều nêu trên hay không?

Đây là một câu hỏi hay!

Chúng ta cùng xét.

Bạn là “kẻ nghèo” ư?Ồ! Bạn đang khiêm tốn. Thoạt tiên tôi nghĩ như vậy. Nhưng xét ngữ cảnh câu hỏi, Tôi biết Bạn đang ngộ nhận về phẩm cách của chính Bạn. Bạn chưa ý thức trọn vẹn về khả năng vốn có, từng có và đang tiềm tàng nơi Bạn. (Vua Trần Nhân Tông tức Sơ Tổ dòng Trúc Lâm Việt Nam từng nói rằng: Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch. Nghĩa là: Trong ta có báu vật, tức khả năng có thể thành Phật - làm Phật chứ nói gì giàu có, sang trọng có thể ban phát cho người khác).

Ừ! Mà tại sao chúng ta lại không biết rõ về phẩm chất của chính mình vậy hả? Như đã nêu trên là do ta đang lâm vào tình thế “cách ẩm”.

- Tôi viết và nói rất nghiêm chỉnh: Bạn đã từng là một bậc trưởng giả - phú gia địch quốc.

- Tôi viết và nói rất nghiêm chỉnh: Bạn đã từng là một bậc đại nhân - tình thương vô bờ bến.

- Tôi viết và nói rất nghiêm chỉnh. Bạn đã từng là một bậc đại thí chủ - giúp người không hề toan tính.

Vâng! Bạn đầy đủ khả năng cung cấp cho mọi người những gì họ đang thiếu thốn. Tôi xin lập lại một lần nữa. Bạn đầy đủ.

Để ý thức rõ điều này, Bạn nên xem và nghiên ngẫm bộ kinh Địa Tạng trong nhà Phật, theo đó kinh viết: Nơi tâm thức chúng ta đầy đủ tất cả hạt giống của mọi khả năng để làm mọi công đức. Vấn đề của bạn là tưới tẩm cho hạt giống ấy nảy mầm.

Đến đây, ta lại gặp một phản biện nữa: Tại sao, lý do nào khiến người viết lại tin tưởng vào Phật Giáo để dẫn chứng ra đây, mà viết, mà nói với Bạn đọc?

Trước khi trả lời, Tôi muốn hỏi lại Bạn một câu: Thế tại sao Bạn chưa hay không tin vào Phật Giáo để vận dụng các phương pháp của nhà Phật mưu cầu hạnh phúc cho chính cuộc đời mình? Khi Bạn hiểu và biết lý do mà Bạn chưa tin, tức khắc Bạn sẽ hiểu và biết tại sao Tôi tin. Nhưng thôi. Đó là lý luận! Đáp như vậy dễ mắc mưu với nhau lắm.

Nên Bạn biết Tôi sẽ trả lời trực tiếp câu hỏi này.

- Tôi tôn kính Phật, giáo lý Phật, đạo Phật là vì Tôi đã trải nghiệm. Tôi đã hít thở hương chùa và ăn cơm chùa cũng khá nhiều. Tôi dùng từ “chùa” với ý nghĩa nghiêm trang, chứ không phải “chùa” là không tốn gì đâu nhé.

- Tôi dùng thí dụ này giúp Bạn hiểu và giải nghi phản biện.

Thí dụ như có một người đang bị bệnh - bệnh gì đó không quan trọng để ghi ra đây:

- Bạn ấy đến bác sĩ để chữa bệnh. Sau một thời gian điều trị, bệnh lành, phục hồi tình trạng sức khỏe. Vậy, Tôi hỏi Bạn: Người đó có tin tưởng liệu pháp của bác sĩ không? Để khi gặp trường hợp người khác có triệu chứng tương tự, vị ấy chỉ hoặc không chỉ đến vị bác sĩ kia.

- Câu trả lời của Bạn là có, phải không?

Lại một phản biện nữa, rất hay:

- Liệu sự tin tưởng đó có hợp với khoa học không?

- Thế bạn hiểu khoa học nghĩa là làm sao? (À mà thôi, chúng ta không bàn chi tiết về từ ngữ khoa học, sẽ làm rối vấn đề.) Mời bạn xem xét dưới đây và tự rút ra kết luận.

1. Kinh viết: Con người được hình thành từ tinh cha huyết mẹ và thần thức. Liệu phần trước chữ “Và” đó có khế hợp với khoa học hiện đại không? - Mời Bạn trả lời.

2. Kinh viết: Người mẹ mang thai non 10 tháng, muôn phần mệt nhọc mới sanh hài nhi. Liệu điều đó có khế hợp với khoa học sinh sản ngày nay không? - Mời Bạn trả lời.

3. Phật Giáo nói: Trong cốc nước có 84.000 trùng. Liệu điều đó có khế hợp với khoa học dinh dưỡng hay không? - Mời Bạn trả lời.

4. Ý kinh Phật là: Ngoài cõi Ta Bà này (tức trần thế đây) còn có hằng hà sa số các thế giới khác. Liệu điều đó có khế hợp với khoa học thiên văn không? - Mời Bạn trả lời.

5. Ý kinh là: Có 5 loài vợ trong xã hội loài người. Liệu điều đó có khế hợp với khoa học gia đình ngày nay hay không? - Mời Bạn trả lời.

6. Ý kinh viết: Những điều không nên khởi binh xâm chiếm nước khác... Liệu điều đó có hợp với khoa học quân sự ngày nay chẳng? - Mời Bạn trả lời.

7. Ý kinh viết: Những điều nên làm, khiến cho mỗi quốc gia hùng cường.... Liệu điều đó có khế hợp với khoa học chính trị ngày nay không? - Mời Bạn trả lời.

8. Ý kinh viết: Sáu cách làm cho một đoàn thể vững mạnh và lâu dài. Liệu điều đó có khế hợp với khoa học quản trị ngày nay không? - Mời Bạn trả lời.

9. Ý kinh viết: Mỗi khi Phật thuyết pháp, đều có hoa có nhạc. Liệu điều đó có khế hợp với khoa học tổ chức lễ hội ngày nay không? - Mời Bạn trả lời.

10. Ý kinh viết: Các pháp do duyên hợp. Liệu điều đó có khế hợp với lý thuyết nguyên tử ngày nay không? - Mời Bạn trả lời.

Khi Bạn nghiên cứu kinh điển Phật Giáo (ở đây, tôi trích lục vài phần liên hệ, trình bày ở phần phụ lục), Bạn sẽ dứt khoát trả lời 10 câu hỏi trên bằng duy nhất một mệnh đề: “Không thể không có dính dấp gì đến khoa học ngày nay”. Và chỉ cần như vậy, Bạn hoàn toàn có thể tin vào Phật Giáo chứ nói gì khi Bạn xác tín rằng “có”.

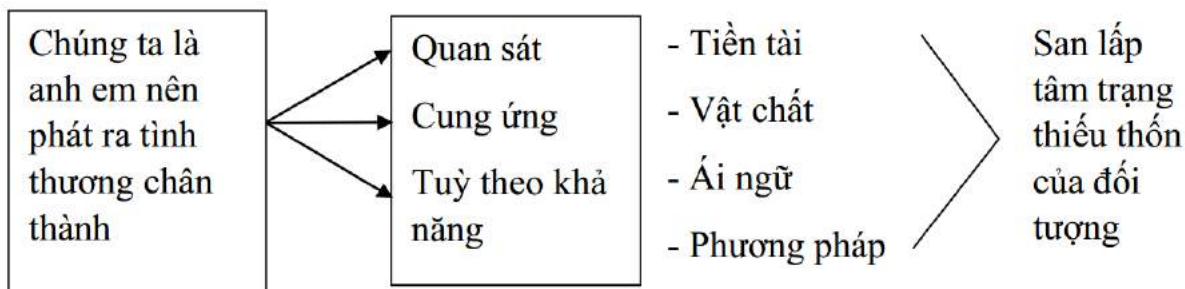
Vậy là chúng ta có thể đúc kết những gì vừa thảo luận thành một kết luận có tính khả thi như sau:

Muốn sự giao tiếp mang lại kết quả là “Đắc Nhân Tâm”, chúng ta phải thể hiện tình thương chân thật của mình. Trước khi giao tiếp, đang khi giao tiếp và cả đến sau khi giao tiếp, đối với đối tượng vốn là Anh Em, chúng ta quan sát xem đối tượng đang thiếu thốn điều gì, mình sẽ cung ứng điều đó, (cung ứng như một người Anh cho Em út mình vậy), theo phương châm CHÚNG TA LÀ ANH EM, với sách lược trước **cho sau nhận** - với tâm ý: **có gieo mới gặt được**.

Chúng ta có thể khái quát những điều nêu trên bằng biểu đồ sau:

*Gieo nhân tình thương
Gặt quả Đắc Nhân Tâm*

Nhìn biểu đồ này, các Bạn thấy chẳng:



*Hễ gieo thì sẽ có gặt.
Gieo cái gì sẽ gặt cái đó.*

Vậy: gieo tình thương thì sẽ gặt được gì? Câu hỏi này ai trả lời cũng đúng.

Đây là quy luật, mong các Bạn vận dụng cho khéo để thành công trong cuộc đời.

*Ta thấy nơi mắt em
Cả cuộc đời êm ả
Làm sao anh rõ được
Kìa! Mắt em dịu hiền.*

Lưu học
chính một
tiên
Lựa Lựa
mà một
cho vua
hàng phan



- ca dao VN -

Chương 4

Cách cho quý hơn vật cho

Chương III nêu lên sách lược “Biết cho trước khi nhận” nhưng trong thảo luận tự trung chỉ mới bàn về “Cho trước khi nhận”.

Chương này sẽ bàn về chữ Biết trong câu “Biết cho trước khi nhận”.

Thật ra, ở chương III bàn về “lý cho trước khi nhận”. Còn nơi đây sẽ nói về “Sự cho trước khi nhận”. Phải hiểu trọn vẹn lý và sự của vấn đề “Cho trước khi nhận”. Sau đó hành trì, sau đó rút kinh nghiệm.

Lý: thuộc phạm trù thuần lý luận, lý thuyết bàn về cơ sở nền tảng, căn nguyên của vấn đề, pháp, hay đối tượng nào đó.

Sự: thuộc phạm trù thực hành, nêu lên những phương cách, phương thức, phương pháp để thực hiện những gì lý đề cập, tán dương hoặc bãi bỏ một pháp môn đối tượng. Tức là: Bàn về “cách cho trước khi nhận”.

Người Việt khi bàn đến chữ “Biết” thì thường nhắc đến triết lý sống của Tuyết Giang Phu Tử - Nguyễn Bình Khiêm, tức cụ Trạng Trình: “Khôn chết, dại chết, biết sống”.

Biết thì còn tồn tại

Không biết thì tiêu vong, biến mất.

Người Việt chúng ta bị đô hộ ngàn năm bởi người phương Bắc, gần 100 năm bởi người phương Tây. Nhưng đất nước và con người Việt vẫn tồn tại là nhờ thực hành theo triết lý “Biết” vậy. Danh tướng Trần Khánh Dư đời nhà Trần đã viết một câu bất hủ trong sách *Vạn Kiếp Bí Truyền* của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn rằng:

Kẻ biết thắng không cần bày trận.

Kẻ biết hòa không bao giờ bị chiếm.

Kẻ biết thua không bao giờ bị mất.

Kinh nghiệm của tiền nhân, trí tuệ của tiền nhân giúp chúng ta hiểu rằng: Cách cho quý hơn của cho. Bởi vì cách cho biểu thị phần tinh thần.

Còn của cho chỉ biểu thị phần vật chất. Vật thể so với tinh thần, theo thời gian sẽ bị mai một.

Biết cho tức là **biết cách cho** vậy.

- Dùng phương cách gì, lễ nghi gì để “Tặng”, để “Trao” vật này cho người ấy?

- Nên “Trao”, nên “Cho” vào lúc nào? Ở đâu?

- Nên “Trao” lúc đông người hay lúc ít người?

- Gói ghém, bao bì như thế nào đây?

Câu tục ngữ:

- Miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp. Gửi lời thì nói, gửi gói thì mở.

- Lời chào cao hơn mâm cỗ, luôn luôn được vận dụng trong những trường hợp cho, trao, tặng, biếu.

Ngoài những điều vừa luận phải áp dụng nêu trên, Ta còn phải biểu lộ cho được chân tình:

*Một ánh mắt thiết thân
Một nụ cười tươi tắn*

*Một thái độ ân cần
Một lời nói dịu dàng*

Tất cả đều rất cần thiết trong các trường hợp “cho” .

Đức
Nhân
Tâm



Chương 5

Đừng để thất nhân tâm

Giống như ở lãnh vực quân sự, muốn thắng địch, trước tiên phải đóng quân ở chỗ không thể bại. Muốn đạt thành quả Đắc Nhân Tâm, trước tiên **ĐỪNG ĐỂ THẤT NHÂN TÂM**.

Quán sát đề mục này, Ta thấy có những nhân tố sau gây nên tình trạng mất lòng người.

Đó là Nghĩ Bậy - Nói Bậy - Làm Bậy.

- Nghĩ bậy là sao? Là suy nghĩ, tư duy, âm mưu những điều thiệt hại cho người khác một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Có người nói: Mới suy nghĩ, chưa làm, thì có gì Bậy đâu? Bậy chứ! Khi suy nghĩ điều ác, những điều có hại cho người, tức là đã gieo hạt giống ác, giống Bậy đó vào tâm địa. Khi gặp dịp thích hợp, hạt giống ấy sẽ nảy nở, thành cây. Rồi kết quả Ác, quả Bậy cho Bạn. Đây là một thực tế, chớ xem thường.

- Nói Bậy là sao? Là nói xấu, nói sau lưng người khác, là chỉ trích, chê bai, làm thiệt hại uy tín của người kia. Nói bậy là nói những điều không có mà lại nói có. Điều hiển nhiên mà lại nói không - nói ba phải, nói đặt điều, nói hai lưỡi, nói ngoa, nói vu khống, nói mạ ly,... Tóm lại, nói bậy là nói những điều không hợp với chánh pháp của giáo lý nhà Phật. Trong ngũ giới của người cư sĩ tại gia thì nói dối là nói Bậy đó.

- Làm Bậy là sao? Là làm không đúng chánh pháp.

Làm những việc không hợp thời gian, không gian, không tương hợp với người sẽ thọ lấy hành vi của người làm.

Thí dụ như giữa trời nắng chang chang mà lại xách gáo đi tưới cây kiểng, nhân danh là làm công quả. Rồi lại rủ rê, cưỡng bức, ra lệnh cho người khác làm theo. Làm như vậy là làm Bậy.

Ngoài ra, làm Bậy còn có nghĩa là làm không đúng phương pháp khoa học. Sức yếu mà làm nặng - đó là làm Bậy. Đã bệnh mà còn ra gió. Đó là làm Bậy. Đầu nhỏ mà đội nón to. Đó là làm Bậy. Chưa học đi mà đã vội chạy. Đó là làm Bậy. Chưa gieo mà đòi gặt. Đó là làm Bậy. Giao việc không hợp với tài năng của cấp dưới. Đó là làm Bậy...

Để tránh **THẤT NHÂN TÂM**, hầu đạt mục đích **Đắc Nhân Tâm** một cách dễ dàng, Ta nên tránh ba điều bất lợi nêu trên: Nghĩ Bậy, nói Bậy và làm Bậy. Trái lại, nên nghĩ đúng, nói đúng và làm đúng. Bát chánh đạo tức tám điều chọn chánh của con đường theo Đạo Phật nêu dưới đây sẽ giúp Bạn hành xử đúng, tạo nền tảng vững chắc cho việc **Đắc Nhân Tâm**.

Bát chánh đạo là giáo lý quan trọng của Đạo Phật. Chỉ cần nỗ lực áp dụng một trong tám điều chọn chánh này vào đời sống cũng sẽ mang đến cho ta hạnh phúc chứ nói gì là **Đắc Nhân Tâm**.

Tám điều chọn chánh đó như sau:

- Chánh kiến: Hiểu biết đúng đắn - Hiểu biết theo hệ thống tri thức Đạo Phật.
- Chánh tư duy: Suy nghĩ chân chính - Tự độ mình và người.
- Chánh nghiệp: Có hành động, việc làm chân chính - Không lừa dối, đoạt lợi.
- Chánh ngữ: Lời nói chọn chánh, trung thực làm vui đi nỗi khổ của người.
- Chánh mệnh: Sống chân chính, không tham lam, không vụ lợi.
- Chánh tinh tiến: Cố gắng nỗ lực chọn chánh vươn lên từng phút, từng giây.

- Chánh niệm: Suy nghĩ chọn chánh, theo giáo lý Phật Đà.
- Chánh định: Thiền định tập trung vào con đường chọn chánh, không thoái chí, không phân tâm.

Chương 6

Vòng tay mở rộng

Bên trên chúng ta còn một câu hỏi chưa hồi đáp:

- Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo có gì đặc biệt so với Đắc Nhân Tâm theo phong cách khác?

Bạn ạ! Sẽ có những đối tượng được liệt kê dưới đây đặt vấn đề như vậy.

Loại 1: Là các vị chưa đọc, chưa học, chưa biết gì về “Đắc Nhân Tâm” theo phong cách Phật Giáo lẫn “Đắc Nhân Tâm” theo các phong cách khác. Các vị đặt câu hỏi để được trả lời. Nhân được nghe trả lời, họ thu thập kiến thức, tri thức. Đây là loại người nhân danh “cầu học” để sưu tầm, tích trữ kiến thức, hầu hần huyên trong lúc trà dư tửu hậu, để hý luận mà thôi.

Sự trả lời sẽ không giúp ích thật sự cho đương sự, nên người viết sẽ chọn cách thức “không trả lời” đối với các vị ấy.

Loại 2: Có đọc, có học, có biết vài thủ thuật “Đắc Nhân Tâm” theo các phong cách khác. Muốn nghe “Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo” để đương sự so sánh, chọn lựa giải pháp cho chính mình. Thì rồi! Người viết đã trả lời qua những chương trình bày đó. Nhưng xin lưu ý: Đây chỉ là quan điểm của người viết. Quý vị cần tự mình đối chiếu, đánh giá, để quyết định giải pháp cho bản thân. Nhữ tác ưng hoàn nhữ thọ (anh làm thì anh chịu).

Loại 3: Là các vị đã đọc qua, đã biết qua các phương pháp Đắc Nhân Tâm theo phong cách khác lẫn của Đạo Phật, nhưng đang phân vân, đang hồ nghi không biết nên chọn phong cách nào. Đây là đối tượng mà người viết sẽ tâm sự như dưới đây.

Bạn ạ!

Hãy ném chiếc nón Bạn đang đội đó dưới chân hàng rào. Rồi tìm cách vượt qua hàng rào mà nhặt chiếc nón. Một chiếc nón mới tinh khô! Đủ che nắng, che mưa suốt bốn mùa.

Chiếc nón: Dụ cho những tri thức mà bạn đang thụ đắc từ những phong cách khác.

Hàng rào: Dụ cho phong cách của Đạo Phật.

Sự vượt qua: Dụ cho sự tài trí, làm chủ được phương pháp của Đạo Phật.

Chiếc nón mới : Dụ cho những gì mà Bạn sẽ chứng đắc khi áp dụng pháp Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo đã trình bày ở trên.

Thật thế!

Khi mà Bạn đang cầm nắm vật gì, Bạn sẽ không thể cầm nắm vật khác được. Giống như khi tâm trí Bạn đầy ắp những tri thức về thuật Đắc Nhân Tâm theo các phong cách khác (Bạn đang đội nón đó). Bạn sẽ không sở đắc được phương thuật của Phật Giáo. Và trong trường hợp này, Bạn sẽ hoàn toàn thất bại trong vấn đề “Đắc Nhân Tâm”. Bởi vì, cứu cánh của Đắc Nhân Tâm theo phong cách Phật Giáo, là để phục vụ cho quần chúng, chúng sinh (được lòng người, để dễ dàng hơn trong việc giúp người hạnh phúc. Xây dựng một xã hội đầy đượm lòng từ bi hỷ xả). Còn “Đắc Nhân Tâm theo phong cách khác” chỉ là để phục vụ lợi ích cho người sử dụng, nên hiệu quả bị giới hạn bởi thuộc tính.

Một đàn ông thì hướng ngoại - Một đàn ông thì hướng nội. Một đàn ông thì vị nhân sinh - Một đàn ông thì vị chính mình. Như thế đó, Bạn sẽ thấy ngay đàn ông nào xứng đáng đạt được thành quả “Đắc Nhân Tâm”.

Tôi đặt tên cho chương này là “VÒNG TAY MỞ RỘNG”. Bởi, khi vòng tay mở rộng, thì bàn tay rộng mở. Bàn tay rộng mở, khi tấm lòng mở rộng. Tấm lòng mở rộng là tấm lòng sẵn sàng ban phát tình cảm, tình thương, tình yêu đến muôn loài một cách vô vụ lợi. Và Bạn

biết chẳng đó là phong thái của Bồ Tát - nếu Bạn nhận vai, và nhập vai làm vị Bồ Tát như thế, thì vấn đề Đắc Nhân Tâm đối với Bạn, sẽ trở nên thừa thãi. Một lần nữa và thêm một lần nữa ta cùng với nhau mở rộng vòng tay đón nhận những người Anh Em của mình. Luôn mở rộng cửa lòng để nghênh đón bà con thân thích của mình. Đó là những người Bạn đã gặp, đang gặp và sẽ gặp ở một nơi nào đó trên quê hương, hay nơi bốn phương nào nhỉ?

*Thênh thang một cõi Ta Bà,
Người ơi! Tất cả đều là Anh Em,
Vòng tay rộng mở, mắt hiền,
Tình thương đối đãi pháp thiên thánh nhân.*

Chương 7

Thuận ý đời đời đãi tình thương

Câu kệ trên Tôi trích ra từ bài kệ tụng hàng ngày vào buổi sáng. Ý Tôi muốn san sẻ trao tặng các Bạn. Để Tôi viết trọn bài kệ tụng ấy, rồi trình bày ý từng câu. Sau rốt xin phép đặt một câu hỏi liên quan đến chủ đề: **Đắc Nhân Tâm** mà chúng ta đang thảo luận.

A/ NGUYỄN VĂN BÀI KỆ:

- Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)
- Đệ Tử kính dâng Tâm Nguyên Hằng Thuận.

1. Thuận ý Phật - sáng soi mọi việc
2. Thuận Bồ Tát - giúp đỡ muôn loài
3. Thuận ý Trời - ngày làm đêm nghỉ
4. Thuận ý Đất - ủ hạt vươm chồi
5. Thuận Cha Mẹ - sống đời hiền thảo
6. Thuận Sư Thầy - chánh pháp truyền trao
7. Thuận ý Người - không gây chướng ngại
8. Thuận Vợ Chồng - hơn ngãi tình sâu
9. Thuận Anh Em - cùng bầu sữa mẹ
10. Thuận Bạn Bè - góp sức, góp lòng
11. Thuận Kẻ Dưới - không lường công sức
12. Thuận Người Trên - không bực vì sai

13. Thuận Kẻ Dữ - nói lời hòa ái
14. Thuận Người Thù - không hại sát thương
15. Thuận Tổ Quốc - phát dương quang đại
16. Thuận Ý Đòi - đối đãi tình thương
17. Thuận Tất Cả - thường thường như vậy
18. Ôn sâu dày - thành tựu hôm nay.

Nam mô Bồ Tát Phổ Hiền
Nam mô Bồ Tát Phổ Hiền
Chứng minh.

B/ TRÌNH BÀY Ý TỪNG CÂU

1. Thuận ý Phật - sáng soi mọi việc

Đức Phật giảng trần, xuống cõi Ta Bà này chỉ vì một đại sự nhân duyên. Đó là truyền dạy Phật tri kiến - tức những tri thức có phẩm chất Đạo Phật. TRI THỨC có phẩm chất, hay nói theo thuật ngữ thường dùng là có tính chất Đạo Phật là sao? Đó là Tri thức dạy chúng ta hiểu tường tận bản chất của chính mình. Những nguyên nhân đưa đến hậu quả là khổ đau. Và những phương pháp triệt tiêu các nguyên nhân ấy hầu có một cuộc đời hạnh phúc (trong thuật ngữ Phật Giáo gọi là giải thoát).

Trong nhà Phật luôn nhắc nhớ câu phương châm:

Trí tuệ là sự nghiệp (nên nhớ để đừng lầm, là **TRÍ TUỆ** Phật Giáo chứ không phải Trí Tuệ được hun đúc rèn tập từ **THẾ HỌC**, tức từ cái học khác Phật học).

Vậy thì nếu chúng ta tôn sùng Đức Phật, chúng ta phải thuận theo ý của Ngài. Ngài ưng, Ngài thích, Ngài truyền dạy Tri Thức Phật. Ta tôn, ta kính, ta học theo Ngài thì có gì khác hơn “sáng soi mọi việc” xảy đến với ta trong đời. Sáng soi, quán chiếu theo tinh thần của Phật

Giáo đối với tất cả “cái vạn biến” của cuộc đời. Đó là thuận ý Phật. Nhờ vậy, chúng ta sẽ không bị thói quen sai sử. Thói quen tức là Nghiệp lực đó.

2. Thuận Bồ Tát - giúp đỡ muôn loài.

Bồ Tát thị hiện trong các cõi để phò trợ, giúp đỡ người tu học hoặc chưa tu học. Người là tín đồ của Đạo Phật hay chưa quy y Tam Bảo, các Ngài cùng đều hộ niệm giúp họ dần dần tiếp cận với Đạo Phật.

- Ngài Bồ Tát Quán Thế Âm xét thấy chúng sanh ung gập ai, cần gập ai mới đủ nhân duyên tu học, Ngài liền thị hiện nhân vật ấy (mời xem kinh Phổ Môn).

- Ngài Bồ Tát tiền thân của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang thì giúp đỡ người đau bệnh, tật nguyền, đói lạnh, khổ sầu. Cung cấp đầy đủ vật, thực, y, tài cho đương sự rồi dần dần mới đưa họ vào Đạo Phật.

- Ngài Phổ Hiền sẵn sàng hóa giải những chướng ngại cho chúng sinh để đưa họ vào Đạo Tràng,...

Thuận theo ý các Ngài thì chúng ta làm y theo hạnh các Ngài. Đó là “giúp đỡ muôn loài”. Khi Bạn chứng được pháp môn giúp đỡ mọi người là giúp đỡ bản thân, Bạn không cần đọc thêm một trang nào nữa ở quyển sách này. Vì Bạn đang nhập vai làm một vị Bồ Tát. Chuyện Đắc Nhân Tâm trở thành chuyện nhỏ đối với vai trò hiện tại của Bạn. Nguyên cho Bạn luôn nhận vai và nhập vai Bồ Tát một cách xuất sắc.

Vậy! Thuận Bồ Tát giúp đỡ muôn loài, ta tâm niệm như thế.

3. Thuận ý Trời - ngày làm đêm nghỉ

Từ Trời ở đây không phải là Ông Trời, Bà Trời nào cả, mà chủ thể ấy là mặt trời, theo nghĩa bóng là lý tự nhiên trong vũ trụ. Bạn hãy nghe câu “thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong” (thuận theo trời thì còn, nghịch ý trời thì mất) chứ. Chữ Thiên hàm nghĩa như Tôi vừa nêu, Thiên là Thiên lý vậy.

Chúng ta xét:

Trong hệ thái dương, Mặt Trời đứng yên một chỗ, Trái Đất tự xoay và xoay chung quanh Mặt Trời theo quỹ đạo từ Tây sang Đông. Chúng ta quan sát bằng nhục nhãn nên thấy Mặt Trời đi từ Đông sang Tây. Trong lộ trình di chuyển như thế, Mặt Trời phát tỏa năng lượng cho Trái Đất, nơi chúng ta đang ở. Đến phương Tây, Mặt Trời không thể nào chiếu ánh sáng cho phía bên kia của Trái Đất. Ta gọi là Mặt Trời lặn đó. Nghĩa là lúc đó, ta không còn nhận được năng lượng từ Mặt Trời. Vậy vào lúc ban đêm, nếu chúng ta làm việc, chúng ta phải tiêu xài năng lượng mà Mặt Trời đã cung cấp từ ban ngày. Hoàn toàn khác với ban ngày, ở thời gian đó, Mặt Trời lúc nào cũng cung cấp, bổ túc năng lượng cho chúng ta làm việc.

- Một đàn đang khi làm việc, được cung cấp, bổ túc năng lượng sử dụng cho việc làm - làm việc ban ngày.

- Một đàn đang khi làm việc, phải sử dụng năng lượng đã được cung cấp và không được bổ túc gì cả - làm việc ban đêm.

Tôi chắc rằng nếu Bạn chọn lựa thời điểm thích hợp để làm việc thì Bạn sẽ chọn - À mà bạn chọn thời điểm nào nhỉ?

Thế cho nên câu kệ thứ ba này:

Thuận ý Trời - ngày làm đêm nghỉ

Thuận là thuận theo lý tự nhiên. Rất ích lợi cho việc dưỡng sinh. Bạn cứ xem những người có thói quen làm việc ban đêm, nước da họ xanh mét làm sao ấy! Nhiều người đổ thừa cho hoàn cảnh, cho thời gian một đời người quá ngắn ngủi - 100 năm - nên phải tranh thủ làm việc ban đêm. Để tạo cái gì đó trao tặng cho đời. Các vị ấy đang rơi vào tình thế nguy biến (hoặc họ ý thức việc đó, hoặc là vô thức). Người học Phật phải có quan niệm đúng đắn về thời gian của đời người là vô biên - vô lượng. Khi thân thể Bạn đầy đủ dồi dào năng lượng, Bạn khỏe mạnh! Vẻ mặt tươi hồng. Ai mà không biết rằng nó có sức hấp dẫn người khác vô cùng! Sức hấp dẫn từ hình dáng của một người là một trong những nhân tố bên ngoài đưa đến hiệu quả

Đắc Nhân Tâm. Bạn hẳn biết khi tuyển nhân viên, nhất là những nhân viên phụ trách khâu tiếp tân trong đơn vị, các giám đốc đều chú ý đến ngoại hình của người dự tuyển. Một làn da xanh xao, một cặp mắt trộm lơ - hậu quả của việc thức khuya làm việc. Một dáng người ốm nhách, sự thuyết phục rất yếu trong lần gặp gỡ đầu tiên.

Thế cho nên Bạn đừng quên tâm niệm câu kệ thứ 3 này: Thuận ý Trời - ngày làm đêm nghỉ.

4. Thuận ý Đất - ủ hạt vươm chồi

Hễ gieo hạt giống gì vào đất, một thời gian sau, từ chỗ gieo sẽ mọc lên cây mầm của hạt giống đó. Bài học từ Đất dạy chúng ta hãy cẩn thận, khi tác ý tưởng, khởi ý tưởng trong tâm địa mình. Khởi ý ác, cây ác sẽ mọc. Khởi ý xấu, cây xấu sẽ mọc. Ở phần trên kia, Tôi gọi là nghĩ Bậy đó. Hậu quả của nó thật tai hại. Nói về thuật Đắc Nhân Tâm mà không chú ý đến hiệu lực của bài học này thì hỏng mất. Chúng ta lập lại: Thuận ý Đất ủ hạt vươm chồi. Hãy tích cực hơn, vận dụng bài học này. Tác ý, khởi ý: Mọi người là Anh Em. Bạn sẽ thấy theo thời gian, ý tưởng này sẽ giúp Bạn có được sự giao lưu thuận lợi với mọi người chứ nói gì chỉ là “Đắc Nhân Tâm”.

5. Thuận Cha Mẹ - sống đời hiền thảo

Tôi chưa thấy một người có hiếu với cha mẹ, ông bà, thảo lão với anh chị em mà lại không được lòng bà con láng giềng bao giờ. Quả thật chưa thấy. Từ đó, Tôi có thể mạnh dạn nói với Bạn: Bạn muốn “Đắc Nhân Tâm” ư? Trước tiên Bạn hãy làm người con có hiếu. Bạn đừng tuyên bố rầm rộ rằng Bạn là người con có hiếu. Bạn cũng đừng viết lách truyền thuyết về Đạo hiếu làm chi, khi mà Bạn không có những hành động thiết thực phụng dưỡng cha mẹ của Bạn. Một quả trứng luộc hồng đào cẩn thận dâng lên mâm cơm cho cha mẹ, giá trị vô cùng! Hơn vạn lời thơ, lời văn “Mẹ ơi! Mẹ ơi! Con yêu mẹ lắm” (yêu thương bằng cái miệng ai mà không nói được). Hãy có những việc làm thiết thực, ích lợi trực tiếp đến thân thể, tâm hồn của cha mẹ, ông bà mình. Tôi nhớ ca dao Việt Nam có những câu thơ rất hay:

*Trời mưa cho ướn lá dứa
Cho tươi liếp cải cho vừa lòng em
Cho em hái đọt rau dền
Nấu tô canh nấm dâng lên mẹ hiền.*

Ai là người không tôn trọng cô thôn nữ này? Không có. Vậy là vô hình chung cô ấy đã được lòng, vừa ý các Bạn rồi.

Đối xử, săn sóc cha mẹ như thế, Bạn đã trở thành người Đắc Nhân Tâm.

Nhưng những điều vừa luận trên vẫn còn kém một bậc khi so với những điều mà tôi sắp viết ra đây.

Hiếu thuận như cô thôn nữ trên quả thật đáng trân trọng. Nhưng giả dụ cô ấy làm nghề bất chính thì sao? Thật đau lòng cho người mẹ khi ăn tô canh nấm, phải không? Vậy đó, bất cứ bậc cha mẹ nào cũng đều mong muốn con cái mình có được một cuộc sống bình yên, lương thiện giữa xã hội, giữa cuộc đời. Đâu cần, đúng vậy, không cần món ngon vật lạ dâng lên, chỉ cần con có được cuộc sống yên bình ấm no. Bạn nên theo lời dạy của tiền nhân: Cung kính bất như phụng mệnh (cung kính không bằng nghe theo ý của cha mẹ mình) mà thực hiện một phong cách sống hiền lành, thuận thảo với mọi người trong xã hội vì đó là điều cha mẹ mong muốn. Thế là đủ làm vừa lòng cha mẹ rồi. Thế là hiếu thảo rồi. Thế là làm cho cha mẹ yên tâm về mình rồi. Điều đó quý nhất. Thuận cha mẹ là thuận như vậy đó: Sống đời hiền thảo. Sống đúng, sống hợp với pháp luật hiện hành. Trước những người như vậy, tình cảm của Bạn sẽ là thương hay ghét? Sẽ thích gần gũi hay lánh tránh xa? Thích nói chuyện cùng với nhau không? Câu hỏi ai cũng trả lời đúng.

6. Thuận Sư Thầy - chánh pháp truyền trao

*Cha mẹ cho ta đôi mắt nhìn đời
Còn sư thầy cho ta đôi mắt biết đời.*

Đôi mắt do cha mẹ sinh trưởng là đôi mắt thịt. Còn đôi mắt sư thầy trao là đôi mắt trí tuệ. Nên đôi mắt trên chỉ để nhìn và thấy sự

vật, còn đôi mắt dưới thì để hiểu và biết sự vật.

Ở thời phong kiến, quân chủ, vị trí của thầy được xã hội thời bấy giờ tôn trọng, xếp thứ hai sau vua: Quân - sư - phụ. Nghĩa là trên cả cha mẹ. Ngày nay quan niệm này vẫn được xem trọng, tuy nhiên không cứng nhắc như ngày xưa.

Người thầy, nhất là vị thầy dạy về tâm linh, rất quan trọng. Vì có minh sư thì mới xuất được cao đồ. Bằng ngược lại thì chỉ làng nhàng mà thôi.

Ý ông thầy thế nào? Bất cứ vị minh sư nào cũng đều có ý muốn rằng: Những gì truyền dạy cho đệ tử sẽ được vị đệ tử ấy hành trì đến mức độ hoằng dương được Đạo pháp. Rồi sau đó truyền lưu lại cho hậu thế. Những cụm từ *truyền đăng tục diem* (truyền đèn để tiếp tục sáng), *thừa đương bảo nhậm* (gánh lấy trách nhiệm mạng mạch của tông phái) đâu phải lời nói đầu môi mà cả tâm tư, nguyện vọng, kỳ vọng của người thầy đều được ký thác trong đó. Thuận ý thầy thì phải truyền lại, trao lại chánh pháp mà thầy đã dạy bảo, sách tấn mình. Được như thế thì các sư huynh muội đồng môn, các Đạo hữu đều tôn trọng, nể kính chứ nói gì chỉ là Đắc Nhân Tâm. Thuận ý thầy - chánh pháp truyền trao: Bạn và Tôi sẽ tâm niệm điều này trên con đường thu phục nhân tâm nhé.

7. Thuận ý Người - không gây chướng ngại

Nếu Bạn chưa hài lòng về một vị nào đó trong đạo tràng, trong đơn vị, Bạn nên chọn giải pháp lánh mặt đi, hạn chế gặp gỡ người ấy. Không phải bằng thái độ “Anh đường Anh, Tôi đường Tôi”, cũng không phải bằng thái độ hững hờ hay lạnh nhạt như người không quen biết mà đơn thuần chỉ vì duyên chưa hợp thì tình chưa đến, vậy thôi: im lặng hãy im lặng như chánh pháp. Tối kỵ là chỉ trích, bài bác. Tối kỵ là tạo chướng ngại cho việc làm của người ấy. Hãy nên giữ phong cách *vô duyên đối diện bất tương phùng*. (không có duyên thì đối diện cũng như chưa từng gặp vậy). Bạn đừng xem thường giải pháp này. Nó sẽ khiến cho đối tượng không hợp với Bạn nhưng vẫn

có lòng kính nể. Rồi không sớm thì muộn họ sẽ phải lòng Bạn cho mà xem.

Từ câu kệ thứ 8 đến câu kệ thứ 15 xin lướt qua, vì dễ hiểu. Đọc lên ai cũng đều hiểu và có thể hành trì đem lại kết quả Đắc Nhân Tâm.

Bây giờ, chúng ta xét đến câu kệ thứ 16.

Thuận ý Đòi - đối đãi tình thương

*Đòi đã giúp chúng ta những gì? Nhiều lắm.
Đòi đã cho ta những gì? Nhiều lắm.*

Chỉ kể người đòi là cha mẹ chúng ta thôi. Họ cũng đã ban phát cung cấp cho chúng ta hàng vạn tỷ ức triệu ngàn vật dụng, tình cảm mà nhờ đó chúng ta thành tựu hôm nay. Chúng ta là người con của con người, của cuộc đời. Đòi ta là chủ thể, hay đúng hơn là đối tượng “thuộc về” cuộc đời. Chúng ta sẽ làm gì để đáp tạ công ơn to lớn hơn trời biển này?

Người có đạo đức, học thức, người được tôn xưng là trí thức, thiện tri thức đều có cách cư xử với cuộc đời theo một phong cách giống nhau:

*Hễ ăn cây nào thì rào cây ấy
Hễ ăn quả khế thì trả nén vàng
Hễ ăn quả thì nhớ kẻ trồng cây
Hễ uống nước thì nhớ người đào giếng...*

Lòng biết ơn, đền ơn là một nét đặc thù trong tính cách đối nhân xử thế của người Việt. Thế cho nên.

- Khi qua tàng cây họ rào bước. Bạn biết tại sao không? - Để nhường bóng mát cho các bậc lão trượng đi sau.

- Khi lên đò qua sông, họ nhường chỗ ngồi tốt nhất cho các bậc lão phụ, người đau bệnh, người tật nguyền, thậm chí cả các thiếu phụ, thiếu nữ, đừng lầm là họ ga lăng nhé.

- Vào lễ hội, họ kính cẩn chào những bậc tiền bối, các huynh trưởng, những vị có vai vế bề trên. Đừng nên gọi thế là xã giao nhé.

- Trong làng, trong xóm có người vừa mất. Họ bùi ngùi chia buồn cùng tang quyến. Họ tiếc thương thấp nén hương tiễn biệt. Họ thành khẩn lạy trước cỗ quan tài cho dù người mất và họ có bà con thân thích gì đâu.

Bạn hẳn biết các vị hành xử như thế chỉ vì một ý duy nhất. Đó là đáp tạ tình thương, ân huệ mà các đối tượng kia - đại diện của cuộc đời đã thi ân với họ, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

Chúng ta nên học tập và hành xử giống y như họ. Kéo mang tiếng là kẻ phụ rẫy cuộc đời. Kéo mang tiếng là kẻ phản bội, kẻ vong ân - Hãy dè chừng “trăm năm bia đá thì mòn, ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”.

*Vâng! chúng ta nên thuận với đời.
Đem tình thương mà đáp trả.
Đem tình thương mà bồi đắp.*

Đem tình thương mà xây dựng, kiến thiết và phát triển cuộc đời, cộng đồng, xã hội và đất nước. Với những ai làm được điều này và thực hành y như những câu kệ vừa nêu trên - Tôi xin hỏi Bạn một câu:

- Họ có cần Đắc Nhân Tâm không?

Hẳn Bạn sẽ trả lời.

- Không.

Xin hỏi tiếp:

- Tại sao?

Bạn sẽ cười và đáp:

- Tại vì họ đã là người “Nhân Tâm Đắc”. Đâu còn luận về thuật “Đắc Nhân Tâm” làm chi nữa.

- Bạn và Tôi phấn đấu như các vị ấy nhé.

(Mời Bạn thưởng thức bức Tâm Thư Pháp chữ Thuận dưới đây.)



Chương 8

Học, hiểu, hoằng, truyền (Thay lời kết luận)

Học: Tục ngữ Việt Nam có câu:

Học ăn, học nói, học gói, học mở.

Ý tiên nhân muốn chỉ cho chúng ta biết rằng cái gì cũng phải học cả. Câu tục ngữ “Không thầy đố mày làm nên” hình như vắng vắng bên tai những ai tha thiết với sự hoàn mỹ để mưu cầu hạnh phúc cho mình và cho đời - mà trước tiên nhất là phải Đắc Nhân Tâm.

Hiểu: Là tường tận vấn đề đang học, là rõ ràng về lý thuyết, khéo léo về thực hành.

Hoằng: Là hành trình thuần phục các pháp đã học rồi chỉ dạy lại cho người khác.

Truyền: Là trao lại những bí quyết, những kinh nghiệm mà trong khi HOẰNG pháp, mình đã đúc kết nên.

Học, Hiểu, Hoằng, Truyền là tiến trình mà người học thuật Đắc Nhân Tâm phải trải qua. Tôi đã giới thiệu với các Bạn các phương thuật ở các chương trước. Bạn có thể theo đó, hoặc không theo đó - tùy Bạn. Bởi nếu Bạn nói:

“Tôi theo y đây, vì đây là kinh nghiệm sống của người mà mái tóc đã điểm sương khi trải qua 60 năm lăn lộn giữa trường đời”. Tôi cảm ơn và chúc Bạn thành công.

Bằng như Bạn nói:

“Tôi không theo. Vì các phương pháp ấy có tính cảm quan, chủ quan của người viết. Biết đâu ông ấy chỉ viết để mà cho có viết. Chứ

chưa thực chứng nghiệm. Tôi không theo. Tôi không theo.”

Nghe Bạn nói thế, Tôi cũng cảm ơn vì Bạn đã đọc và có cảm tưởng chân thực về sách như thế. Tôi chúc Bạn mạnh khỏe để tiếp tục tìm phương pháp khác.

Các Bạn!

Với những chương viết trên, các Bạn đọc rồi theo hay không theo. Tôi chẳng quan tâm. Nhưng những dòng mà tôi sắp ghi ra bên dưới đây thì nhất thiết các Bạn phải đọc, phải học và phải làm theo y. Tôi xin lập lại 1.000 lần và nhiều hơn thế nữa. Các Bạn phải đọc, phải học, phải làm theo y, nếu các Bạn muốn nắm trong tay một phương pháp vi diệu để “Đắc Nhân Tâm”. Nó không phải của Tôi, mà là lời giáo huấn của một bậc vĩ nhân - Đức Phật THÍCH CA MÂU NI - đối với các đệ tử ở ba thời, mười phương. Những lời giáo huấn vàng ngọc ấy có thể đưa người học tới cảnh giới làm Bồ Tát, làm Phật - chứ nói gì chỉ ở mức độ Đắc Nhân Tâm. Nhớ đấy! Nhớ đấy! Nhớ đấy!

Để giúp các Bạn nắm bắt phương pháp một cách dễ dàng và sử dụng hiệu quả, Tôi mạn phép bề trên đặt tên cho phương pháp này là: Sáu pháp để “Không Thất Nhân Tâm” và bốn pháp để “Đắc Nhân Tâm”.

LỤC HOÀ PHÁP

Trích từ bài giảng của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa trong *Phật học phổ thông* tập 1 do Thành Hội Phật Giáo TP. Hồ Chí Minh xuất bản năm 1992.

A. MỞ ĐẦU

1. Tai hại của sự bất hòa

Trong sự sống chung đụng hằng ngày, không có gì tai hại bằng sự bất hòa. Sự bất hòa làm ung độc cuộc sống chung và bắt buộc người ta phải xa nhau, nếu không muốn ở gần nhau để làm khổ cho nhau.

Trong gia đình, anh em không hòa thì tình cốt nhục chia ly. Vợ chồng không hòa thì gia nghiệp chẳng thành, con cái phải bị đau khổ, vì gần cha thì phải xa mẹ; gần mẹ thì phải xa cha. Xóm làng không hòa thì hay sinh ra rầy rà, kiện cáo, chém giết lẫn nhau. Quốc gia không hòa thì sanh ra giặc giã loạn lạc, dân chúng khổ sở. Nhân loại bất hòa thì chiến tranh tiếp diễn, nhân sinh điêu đứng, suy tàn.

2. Sự quan trọng của nhu hòa

Đã thấy sự bất hòa như thế nào, tất nhiên cũng phải thấy đức tánh nhu hòa là cần thiết như thế nào cho đời sống tập thể.

Chúng ta thường nghe nói: “Dĩ hòa vi quý” (lấy hòa làm quý). Bốn chữ giản dị ấy có một công dụng ích lợi vô cùng. Những ai lấy nó làm phương châm thì bất luận việc lớn việc nhỏ đều thành tựu dễ dàng. Trái lại, những ai khinh thường nó thì công việc chung không bao giờ có kết quả.

Sách Nho cũng có nói: “Thời thế thuận, không bằng địa thế lợi; địa thế lợi, không bằng nhân tâm hòa” (thiên thời bất như địa lợi; địa lợi bất như nhân hòa). Xem thế thì đủ biết: yếu tố hòa là quan trọng hơn hết trong mọi việc, mọi tổ chức. Gia đình hòa thì gia đình có hạnh phúc, nước nhà hòa thì nước nhà được thịnh trị, nhân loại hòa thì thế giới an lạc.

Hiểu biết hơn ai hết sự quan trọng của đức tánh nhu hòa trong đời sống tập thể, Đức Phật đã chế ra pháp “Lục hòa” cho hàng Phật tử.

B. CHÁNH ĐỀ

I. Định nghĩa

“Lục hòa” là sáu phương pháp cư xử với nhau cho hòa hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm. Hòa ở đây là hòa với mục đích tiến tới sự cao đẹp, đến con đường giải thoát, toàn thiện, toàn mỹ, chứ không phải hòa một cách nhu nhược, thụ động, ai nói quấy cũng ừ, ai nói phải cũng gật. Hòa ở đây cũng không phải là một

phương tiện trong giai đoạn để rút thắng lợi cho mình, rồi lại chiến. Hòa ở đây nhằm mục đích làm lợi cho tất cả, trong ấy có bóng dáng “tự và tha” không có so đo “ta và người”.

II . “Lục hòa” là những gì?

“Lục hòa” gồm có sáu điểm sau đây:

1. Thân hòa cùng ở (Thân hòa đồng trú)

Nghĩa là cùng nhau ở dưới một mái nhà, trong một phạm vi, một tổ chức, hôm sớm có nhau, cùng ăn cùng ngủ, cùng học cùng hành.

Khi đã sống chung đụng hằng ngày như thế thì phải hòa thuận với nhau, không dùng sức mạnh, võ lực để lấn hiếp, đánh đập nhau. Nếu là anh em, vợ chồng, con cái trong một gia đình thì phải trên thuận dưới hòa, anh ra anh, em ra em, chồng ra chồng, vợ ra vợ, chứ không được lộn xộn vô trật tự, hiếp đáp, sát hại nhau.

Nếu là Phật tử, cùng ở với nhau học tập dưới một mái chùa, thì tuy là không phải ruột thịt, nhưng cũng là những người con chung của Đức Phật, cùng một lý tưởng mục đích, thì cũng phải lấy cái hòa khí làm đầu, không được chia phe phái, ý mạnh hiếp yếu, ý thế hiếp cô, mạnh ai nấy được.

Nếu là đồng bào, cùng chung sống trong một quốc gia xã hội, thì phải lấy sự đoàn kết làm đầu, không được gây cảnh nòi da xáo thịt, chia năm xẻ bảy, làm thành giặc chòm, giặc xóm; sát phạt nhau, chém giết nhau. Người nước ta có câu ca dao rất ý nghĩa:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn.*

Khác giống, mà sống chung trên một giàn, còn phải hòa thuận thương yêu nhau; huống chi là cùng một dân tộc, một giống nòi!

Cũng thế, đã là nhân loại, cùng chung sống trên quả địa cầu này, thì dù là da trắng, da đen, da vàng hay da đỏ cũng là “tứ hải giai

huynh đệ” cả. Đã là giống người như nhau mà lại đem nhau ra chiến trường bắn giết lẫn nhau, tàn sát nhau, làm mỗi cho súng đạn vô tri, thì thật là vô cùng phi lý.

Tóm lại, đã cùng chung sống với nhau trong một địa vị, một giới hạn, một hoàn cảnh, thì bao giờ cũng phải hòa hảo với nhau.

2. Lời nói hòa hiệp, không tranh cãi nhau

Muốn thân không đánh đập nhau, không đối chọi nhau, khi ở bên cạnh nhau thì lời nói phải giữ gìn cho được ôn hòa, nhã nhặn; trong mọi trường hợp, nhất thiết không được rầy rà, cãi cọ nhau.

Có người thân hòa mà khẩu không hòa, ăn thua nhau từng câu nói, tìm cách mỉa mai, châm chọc nhau, hặc hởi nhau từng tiếng một, cuối cùng sanh ra ẩu đả nhau.

Trong một gia đình, cũng vì một lời nói không hòa, mà nhiều khi anh em xa lìa nhau, vợ chồng ly tán nhau, cha con không thấy mặt nhau, trở thành kẻ xa lạ, thù hằn nhau.

Trong xã hội, cũng vì một lời nói không hòa, mà nhiều khi quốc gia phải lâm nạn chiến tranh, nhân loại phải bị đẩy vào lò sát sanh thảm khốc.

Bởi thế, nên thân thể hòa chưa phải là đủ, mà Phật dạy phải hòa cả miệng nữa. Nghĩa là người Phật tử phải nói lời dịu dàng, hòa nhã với nhau, nhất thiết không được cãi nhau. Nếu có gì thắc mắc, cần phải bàn cãi cho ra lẽ, thì tuyệt đối phải dùng lời ôn tồn, hòa nhã mà bàn luận.

3. Ý hòa cùng vui (Ý hòa đồng duyệt)

Duy thức học có nói: Ý là hệ trọng hơn hết, nó là động cơ thúc đẩy miệng và thân. Kể công thì nó đứng đầu, mà kết tội, nó cũng đứng trước (công vi thủ, tội vi khôi). Bởi thế cho nên, trong một gia đình, một đoàn thể, mỗi người cần giữ gìn ý tứ, tâm địa của mình. Nếu ý tưởng hiền hòa, vui vẻ thì thân và lời nói dễ giữ được hòa khí.

Trái lại nếu ý tứ bất hòa, thường trái ngược nhau, ganh ghét nhau, thì thân và khẩu khó mà giữ được cho hòa hảo. Dù có cố gắng bao nhiêu, để thân và khẩu được hòa khí, hay vì sợ một uy quyền gì ở trên, mà phải ăn ở hòa thuận với nhau, thì sự hòa thuận này cũng chẳng khác gì một lớp sơn đẹp đẽ, tô lên một tấm gỗ đã mục. Một khi sự xung đột bên trong đã đến một mức độ không thể chứa đựng được nữa, tất nó sẽ nổ tung ra trong lời nói hay trong những cái đâm đá; cũng như tấm gỗ khi đã mục quá rồi thì thế nào lớp sơn bên ngoài cũng rạn nứt, đổ bể.

Đức Phật đã thấu rõ như thế, nên Ngài dạy phải có tâm ý vui vẻ hòa hiệp trong khi chung sống với nhau.

Muốn được tâm ý hòa hiệp, phải tu hạnh hỷ xả. Hỷ xả nghĩa là bỏ ra ngoài những sự buồn phiền, hờn giận, không chấp chặt trong lòng những lỗi lầm của kẻ khác. Có như thế, tâm hồn mới thư thái, vui vẻ được, và ý nghĩ mới trong sáng, thanh tịnh được. Vậy Phật tử chúng ta hãy cố gắng tu hạnh hỷ xả mới được.

4. Giới hòa cùng tu (Giới hòa đồng tu)

Trong một tổ chức, một đoàn thể nào có trật tự, tất đều có kỷ luật qui củ hẳn hoi.

Trong Đạo Phật, mỗi Phật tử, tùy theo địa vị cấp bậc tu hành của mình, mà thọ lãnh ít hay nhiều giới luật. Người tại gia thì thọ ngũ giới; người xuất gia thì thọ 10 giới; nếu là Sa Di, thọ 250 giới; nếu là Tỳ kheo, thọ 348 giới v.v...

Khi Phật tử hội họp lại, hay khi cùng chung sống để tu học, một ngày tùy theo cấp bậc của mình mà giữ giới. Đã cùng một cấp bậc với nhau thì tất phải thọ giới và giữ giới như nhau, chứ không được lộn xộn, giữ giới này, bỏ giới kia, giữ giới kia, bỏ giới nọ, mỗi người mỗi thứ. Nếu có sự vô kỷ luật này thì lẽ tất nhiên tổ chức ấy sẽ tan rã. Vì thế, Đức Phật dạy: khi Phật tử đã chung sống với nhau thì triệt để phải cùng nhau tu những giới luật như nhau, giữ đúng những giới luật của cấp bậc mình.

Nói rộng ra, trong một trường học, một gia đình Phật tử, một hội chẳng hạn, bao giờ cũng lấy kỉ luật làm đầu. Trong trường, nếu học sinh không giữ kỉ luật của trường, ai muốn ra cứ ra, ai muốn vào cứ vào, ai muốn học cứ học, ai muốn chơi cứ chơi, thì trường ấy ắt phải sập. Trong gia đình Phật tử, đoàn sinh mỗi người làm theo mỗi ý riêng mình, không tuân năm điều luật của gia đình, không làm theo huấn lệnh của Huynh trưởng, thì gia đình Phật tử ấy sẽ tan rã. Trong một hội, hội viên không tôn trọng điều lệ của hội, phân chia giai cấp, tự cho mình sang không cần giữ giới như người hèn, tự cho mình giàu không giữ giới như người nghèo, tự cho mình có học thức không giữ giới như người vô học; nếu có tình trạng như thế, tất hội ấy sẽ tan rã.

Nói tóm lại, trong một đoàn thể, đạo hay đời, nếu không cùng nhau gìn giữ giới điều, kỷ luật, quy tắc, thì chúng ta không bao giờ sống chung với nhau được. Vậy Phật tử, muốn hòa hợp cùng nhau để tu tập, thì mỗi người cần phải gìn giữ giới luật như nhau.

5. Thấy biết giải bày cho nhau hiểu (Kiến hòa đồng giải)

Trong sự sống chung, mỗi người hiểu biết được điều gì hay khám phá được điểm gì, phải giải bày, chỉ bảo cho người khác hiểu. Như thế trình độ hiểu biết mới không chênh lệch, sự tu học mới tiến đều về tinh thần bình đẳng, mới dễ giữ vững giữa những người cùng ở một đoàn thể.

Khi ta khám phá ra được một điều gì mới lạ, hay có một ý kiến gì hay ho, nếu ta không giải bày cho người chung quanh, thì không những ta là một kẻ ích kỷ mà sự tắc nghẽn ấy là mối dây của sự chia rẽ, bất hòa, xung đột. Trước một vấn đề, mỗi người sẽ nghĩ, sẽ thấy mỗi cách, và do đó, sẽ gây nghi ngờ, hoang mang trong đoàn thể, vì phần đông không biết tin vào ai.

Nhất là trong kinh sách Phật, vừa nhiều, vừa cao siêu, vừa đủ loại, mỗi Phật tử có thể khám phá ra một khía cạnh khác nhau, tìm ra một ý nghĩa có thể đúng, mà cũng có thể sai. Trong những trường hợp ấy,

mà không gấp rút giải bày quan điểm, ý kiến của mình cho mọi người trong đoàn thể hiểu biết, thì khó có thể sống hòa hiệp với nhau.

6. Lợi hòa cùng chia cân nhau (Lợi hòa đồng quân)

Về tài lợi, vật thực, đồ dùng phải phân chia cho cân nhau hay cùng nhau thọ dụng, không được chiếm làm của riêng, hay giành phần nhiều về mình.

Trong khi sống chung, nếu có người đem cho thực vật, y phục, mền chiếu, thuốc thang... thì phải đem quân phân tất cả, nghĩa là chia cho đều nhau, không vì tình riêng, kẻ ít người nhiều, kẻ tốt người xấu, nhưng phải lấy công bằng làm trọng. Giữ được như thế thì dù ở chung nghìn người cũng vẫn hòa vui. Trái lại, nếu vì tình tư, ý riêng tham tài ham lợi thì dù chỉ có vài ba người chung sống với nhau, cũng không thể hòa nhau được.

Trong xã hội sở dĩ có xung đột dữ dội, phân chia giai cấp, cũng do vì thiếu sự “Lợi hòa đồng quân” cả. Người giàu thì giàu quá, kẻ nghèo thì nghèo xơ, kẻ dinh thự nguy nga ruộng đất cò bay thẳng cánh, có kẻ không có một chòi tranh vách đất. Do đó, không thể hòa bình được: người vô sản xung đột với kẻ hữu sản, nước nghèo đói sanh sự với nước phú cường.

2
Lời
T
Nếu biết Thô
Sông Thô
Nếu biết Cười
Sông Vui
Nếu biết Đạo
Sông Dường
Biết yêu Đường
Sông Dường

T
CHINH
TRUNG

Nếu nhân loại thâm hiểu rằng: cuộc giàu sang phú quý trong nhân gian như hạt sương đọng trên cành hoa, công danh vinh hiển trên đời như bọt nước nổi trên mặt biển, thì chắc sự chênh lệch giữa

giàu và nghèo sẽ bớt đi nhiều lắm, và nhân loại sẽ bớt xung đột nhau hơn.

Với một tinh thần bình đẳng lợi tha, từ bi cứu khổ, với một trí tuệ soi thấu rõ sự vô thường, giả tạm của cuộc đời, Đức Phật đã dạy: “Có tài lợi, nên tùy phận chia sẻ cho nhau”, hay triệt để hơn nữa: “Lợi hòa đồng quân”.

Vậy chúng ta đã là Phật tử, phải nên cố gắng thực hành cho được lời dạy ấy.

C. KẾT LUẬN

Để có một ý niệm tổng quát về Lục hòa, chúng ta hãy ôn lại một lần nữa những ý chính trong sáu điều chỉ bảo của Đức Phật:

1. Hãy chung sống với nhau một cách hòa hợp, hãy chung lưng đấu cật, đùm bọc nhau, chứ không nên dùng võ lực để đàn áp nhau.
2. Hãy nói năng với nhau một cách dịu dàng, hòa nhã; nếu có điều gì thắc mắc cần bàn cãi thì cũng phải bàn cãi trong ôn hòa, lễ độ.
3. Hãy nuôi dưỡng ý tốt đẹp đối với nhau, hay trau dồi đức hy xả; đừng bao giờ thù hiềm, ganh tỵ nhau.
4. Hãy giữ đúng giới luật như nhau, hãy lấy kỷ luật làm đầu. Vô kỷ luật thì không một đoàn thể nào có thể tồn tại được.
5. Hãy giải bày những sự hiểu biết, những ý kiến của mình cho người xung quanh. Người thông hiểu nhiều phải có bổn phận chỉ bày cho người hậu tiến và dẫn dắt họ đi kịp mình.
6. Hãy chia đồng đều tài lợi thu thập được cho những người sống chung với mình, để mọi người đều được thỏa mãn, vui vầy.

Sáu điều dạy trên đây nếu chúng ta thực hiện một cách triệt để thì trong gia đình, cha mẹ, vợ chồng, anh em, đều được hòa thuận yên

vui, gia nghiệp mỗi ngày một thịnh trị, thế giới được hòa bình, an lạc.

Riêng về trong giới Phật tử chúng ta, nếu áp dụng đúng đắn pháp “Lục hòa” thì sự tu học của chúng ta mau được tiến bộ, con đường giải thoát được gần hơn và cảnh giới Cực lạc không phải chỉ là một ước vọng.

Vậy xin khuyên các Phật tử mỗi người sau khi học hiểu rõ Lục hòa, phải thật hành cho được và khuyên mọi người thật hành theo, để cùng hưởng hạnh phúc chung.

TỨ NHIẾP PHÁP

Được Hòa Thượng Thích Thiện Hoa giảng từ hơn 50 năm về trước về những nguyên lý Đắc Nhân Tâm để tu học do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết.

A. MỞ ĐỀ

Tu hạnh lợi tha nhiếp hóa chúng sinh là bốn phận của Bồ Tát.

Đức Phật ra đời nhằm mục đích cứu độ chúng sinh ra khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Người Phật tử theo dấu chân Phật tất phải tập làm những gì Đức Phật đã làm. Trong khi tu hành, Phật tử không bao giờ quên người, không nên chỉ lo giác ngộ cho mình mà không tìm cách giác ngộ cho người. Trong Đạo Phật, mình với người là một khối, mình không khác người, không thể phân chia ra được. Càng lo tư lợi chừng nào lại càng đi ngược với sự tu hành chừng ấy. Trái lại, càng hy sinh cho người, càng chú trọng đến lợi tha, lại càng mau chứng ngộ chừng ấy.

Phật có vô lượng phương pháp cứu độ chúng sanh, chúng ta muốn áp dụng phương pháp nào cũng được. Song muốn có kết quả cụ thể, chúng ta phải tùy theo căn cơ, hoài bão của chúng sanh mà lựa chọn pháp môn tu hạnh lợi tha. Đối với người đồng loại, chúng tôi tưởng không có phương pháp nào có hiệu quả thiết thực lợi ích

cho người và làm cho người cảm hóa sâu xa bằng pháp môn Tứ nhiếp pháp.

B. CHÁNH ĐỀ

I. Định nghĩa

“Tứ nhiếp pháp” là gì? - Tức là bốn phương pháp lợi tha để nhiếp phục chúng sanh quay về với Phật pháp.

Bốn pháp đó là:

- Bố thí nhiếp
- Ái ngữ nhiếp
- Lợi hành nhiếp
- Đồng sự nhiếp

II . Hành tướng của tứ nhiếp pháp

1. Bố thí nhiếp

Một xã hội tốt đẹp hay xấu xa, hòa bình hay hỗn loạn không phải là không nguyên nhân. Nguyên nhân của hỗn loạn xấu xa chính là lòng ích kỷ. Nhân loại đang quần quại trong khổ đau, những cảnh nôi da xáo thịt tái diễn hằng ngày là do đâu, nếu không phải chính là lòng tham lam, ích kỷ?

Đạo Phật là đạo từ bi, nghĩa là cứu khổ. Mà những nỗi khổ lớn của con người là gì? Đó là sự thiếu thốn về vật chất, sự mê mờ về tinh thần, và lòng lo sợ về đủ mọi thứ, như lo sợ mất tiền của, mất thân mạng, gặp tai biến v. v...

Vậy người có lòng từ bi, muốn cứu khổ thì trước tiên phải xả bỏ tánh ích kỷ, phải cho mọi người những gì mình có, phải cho những gì người khác mong muốn. Nghĩa là phải làm hạnh bố thí. Do sự bố thí ấy mà mình cảm phục được người chung quanh, mà người chung

quanh mới gần gũi thân mến mình và mong cầu học đạo giải thoát. Bồ thí có ba lối:

Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

a) Tài thí: Tài là tiền của. Tài thí là đem tiền của mà bố thí, để cứu vớt người đồng loại thoát khỏi đau khổ. Cảnh khổ của chúng sinh về vật chất không thể kể xiết: người thiếu cơm, kẻ thiếu áo, người thiếu thuốc thang, kẻ thiếu nơi nương náu... Đứng trước bao cảnh khổ ấy, người Phật tử không thể nào an nhiên hưởng sự sung sướng riêng được, mà trái lại thấy mình có bốn phận xuất của, ra công giúp kẻ nghèo khổ thiếu hụt.

Đừng viện cớ hay tự an ủi là mình nghèo không có của tiền giúp đỡ người chung quanh. Thật ra miễn là mình có từ tâm hay không, chứ không phải mình hoàn toàn thiếu phương tiện để giúp đỡ người khác. Một chén cơm vẫn có thể chia hai được, một manh chiếu vẫn còn đủ chỗ cho thêm một người nằm được. Người ta thường nói: “Chật bụng chớ chi chật nhà”, là thế. Người triệu phú đem cho năm, bảy ngàn bạc không làm cho người ta cảm phục, quý mến bằng người nghèo chỉ có hai bộ quần áo mà đem cho bớt đi một bộ.

b) Pháp thí: Pháp là giáo pháp, là những lời dạy, những giáo lý của Đức Phật và của các bậc Thánh hiền Tăng, là tam tạng kinh điển. Pháp thí là đem những giáo pháp quý báu ấy mà bố thí, giảng dạy cho chúng sinh.

Chúng sinh đang mê mẩn, xoay vần trong sáu cõi, gây nghiệp rồi thọ báo, khác nào tỉnh mộng rồi lại mơ. Trong lúc mộng nào biết có mơ, cứ lẫn lộn vào đường ái, như bướm đâm đầu vào đèn. Vì thế, Đức Phật mới đem giáo pháp ra giảng dạy khiến cho chúng sinh ra khỏi bể khổ luân hồi.

Pháp của Phật nhiều vô số lượng, cao bao nhiêu cũng có, thấp bao nhiêu cũng có, đủ cỡ, đủ loại cho mọi căn cơ. Dù người nước nào, bậc nào, căn cơ cao hay thấp, sáng hay tối, một khi nghe đến pháp

của Phật, tùy sức đều được hiểu cả. Nên trong kinh có câu: “Phật thuyết nhất âm, chúng sinh tùy loại các đắc giải”.

Chúng ta đừng viện cớ mình còn kém Phật pháp, không thể làm công việc thí pháp được. Như trên đã nói, Pháp Phật có vô số lượng pháp môn, nếu không biết được pháp môn cao thâm thì cũng biết được pháp môn thông thường. Mỗi Phật tử ít ra cũng biết tụng kinh, niệm Phật, lễ Phật, ăn chay. Chúng ta đem những điều ấy chỉ bảo cho người, thế cũng là thí pháp rồi. Nếu làm những điều ấy với một tấm lòng thành thật, hoan hỷ, cố mong sao cho người chung quanh đi đến với đạo để được lợi ích, thì sự thí pháp ấy còn đáng quý hơn là giảng những giáo lý cao với một thái độ dửng dưng hay tự cao tự đại.

Tuy thế, đã là Phật tử thì chúng ta có bốn phận phải luôn luôn trau dồi, học hỏi để biết rộng hiểu nhiều, hầu tự giải thoát và để công việc thí pháp của chúng ta được hiệu quả hơn, phổ biến hơn và ứng dụng trong mọi trường hợp.

Thí pháp càng lan rộng thì người xu hướng về với Phật pháp càng nhiều và cõi đời càng bớt đau khổ.

c) Vô úy thí: Vô úy là không sợ hãi. Vô úy thí là đem cái không sợ mà thí cho chúng sinh. Sự sợ hãi là một tâm trạng rất thông thường của chúng sinh trong cõi đời giả tạm và đầy đau khổ này. Vậy người có lòng từ bi phải cố gắng làm sao để chúng sinh chung quanh có được sự bình tĩnh, yên ổn của tâm hồn, không hoang mang, lo lắng, sợ hãi.

Vô úy thí, không phải chỉ những người có can đảm, có tài năng, có uy quyền mới làm được. Hằng ngày chung quanh ta, biết bao người đang ở trong cảnh sợ hãi; nếu thật chúng ta có lòng từ muốn giúp đỡ cho họ khỏi sợ hãi thì không có lúc nào là không thể làm được: một đứa bé đang kinh hãi trước hàm răng của con chó dữ, một bà lão lo sợ bị xe cán không dám băng qua đường nhiều xe cộ, một thiếu nữ đi đêm “sợ ma”, một thí sinh run rẩy trước giờ vấn đáp... Đó là bao nhiêu cơ hội mà chúng ta có thể thi hành pháp Vô úy thí. Gặp người bị tai nạn, ta đem tài năng hay thế lực ra đùm bọc, che chở, cho họ

khỏi sợ hãi; gặp người đau ốm, lo sợ thần chết mang đi, ta lấy luật vô thường giảng giải cho họ và bảo họ niệm đức Quan Thế Âm Bồ Tát hay Phật A Di Đà v.v... Đó là Vô úy thí.

Tóm lại, bố thí là do lòng từ bi vô hạn mà làm. Nó có một phạm vi rộng rãi vô cùng. Khi nào còn có chúng sanh đau khổ thì ta còn bố thí.

Hình thức cao nhất của bố thí là bố thí Ba la mật, nghĩa là bố thí rất nhiều mà không thấy mình bố thí, bố thí mà không phân biệt thân sơ, không chấp ta, người, thù, bạn, bố thí mà không chấp số lượng những vật thí. Như thế là ta đã thành tựu pháp “Tam luân không tịch” về bố thí. Khi ấy, bố thí không còn là một việc làm phúc hay ban ân nữa, mà chính là một việc tự nhiên, không thể bỏ qua được như ăn, như uống, như một bồn phận nhất định hàng ngày.

Vậy đã là Phật tử, đã có lòng từ bi thì không thể nào thi hành pháp bố thí được. Sự thi hành này tùy phương tiện, tài năng, thể lực của mình, và ở trong hoàn cảnh nào cũng làm được, chứ không phải đợi có đủ một số điều kiện nào đó mới làm được. Miễn là ta càng cố gắng giúp ích, cứu khổ cho người được chừng nào thì quý chừng ấy.

2. Ái ngữ nhiếp

Ái ngữ nhiếp là tùy theo căn tánh chúng sanh mà khôn khéo nói năng, an ủi, khuyên lơn, nhân thế khiến cho họ sinh lòng thân mến, cảm phục, rồi từ đó họ mới theo ta mà học đạo.

Ở đời phần nhiều người ỷ của, cậy quyền, đối với mọi người dùng lời không tao nhã, nên làm cho người xung quanh chán ghét. Một khi họ không yêu mến, cảm phục, thì tuy trước mặt họ dạ dạ, vâng vâng, mà sau lưng lại không chịu phục tùng, nghe theo. Vì thế, nhiều việc phải bị hư hỏng.

Tục ngữ có câu: “Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Thật thế, lời nói là một của báu mà mọi người đều có cả, không phân biệt giàu, nghèo, sang, hèn. Nhưng cũng lời nói ấy

mà người này sử dụng thì nên công việc, còn người kia sử dụng thì lại tán gia bại sản. Sở dĩ như thế là vì một bên biết lựa lời ăn nói dịu dàng, dễ nghe, còn một bên cộc cằn, thô tục. Nhiều người, tự bào chữa, thường bảo: “Tánh tôi ngay thẳng và có hơi nóng, nên hay ăn to nói lớn, chứ thật ra tôi không có ác ý”.

Không có ác ý, nhưng làm cho người chung quanh phải đau khổ, khó chịu vì lời nói khiếm nhã, thô bạo của mình, thì có khác gì người ác?

Vậy Phật tử chúng ta muốn cảm hóa, dẫn dắt người chung quanh về con đường chánh, trước tiên phải áp dụng cho được pháp ái ngữ, nghĩa là luôn luôn trong mọi trường hợp, phải dùng lời dịu dàng, êm ái, thương yêu trong khi tiếp xúc với mọi người. Nhất là khi người ta đang ở trong cảnh khổ thì những lời khuyên lơn, vỗ về lại càng vô cùng quý báu, vì có thể xoa dịu được vết thương lòng và làm cho người ta vô cùng cảm kích, khó mà có thể phai mờ được.

3. Lợi hành nhiếp

Lợi hành nhiếp là làm lợi ích cho người bằng ý nghĩa, lời nói hay hành động, khiến cho người ta sinh lòng thân mến mà theo ta học đạo.

Cái gương sáng nhất về phương diện lợi hành là cái gương Ngài Trì Địa Bồ Tát. Suốt đời, Ngài thường gánh đất đắp đường, ban cho bằng phẳng, hoặc bắc cầu để cho khách bộ hành đi lại được dễ dàng tiện lợi. Ngài thay người già gánh nặng, đẩy giúp cỗ xe lên dốc cao, chèo giúp cho người lái thuyền ngược nước...

Tóm lại, bất luận việc lớn nhỏ, miễn giúp ích được cho người là Ngài không bao giờ từ nan. Xem thế, thì không cần phải đợi có đủ phương tiện mới làm lợi ích cho người được. Chỉ với một ít sức khỏe cũng có thể giúp được nhiều việc lợi ích cho người rồi.

Có khi chỉ cần một ý nghĩ tốt, một lời giới thiệu hay cũng có thể giúp cho người chung quanh có công ăn việc làm.

Đối với người giàu có, nhiều phương tiện thì phạm vi hoạt động cho lợi hành lại càng rộng rãi. Họ có thể xuất tiền của ra làm nhà dưỡng lão, nuôi người tuổi già sức yếu, để tuổi già của họ bớt đen tối, nguy nan; hay họ xây viện dục anh, nuôi trẻ mồ côi, cho chúng học hành và có nghề nghiệp, huấn luyện cho chúng thành những công dân hữu dụng. Hay dựng trại tế bần, cấp dưỡng cơm ăn áo mặc cho kẻ đói khó hay dựng bệnh xá để cứu chữa những kẻ bệnh tật; hay xây trường học giúp con em có nơi học hành. Đó là bao nhiêu công việc vô cùng lợi ích, vừa cho đời vừa cho đạo. Những công việc lành ấy sẽ cảm hóa lòng người và hướng họ trở về con đường giải thoát là con đường của Đạo Phật.

4. Đồng sự nhiếp

Đồng sự nhiếp là tùy theo căn cơ, hoài bão, địa vị, nghề nghiệp của người mà lẫn lộn vào công việc của họ, cộng tác với họ, để một mặt giúp đỡ họ trong nghề nghiệp, một mặt nêu cao gương lành, làm cho họ cảm mến mà theo ta đến gần đạo cả.

Chẳng hạn như khi ta cùng làm việc trong một công sở, trong một xí nghiệp, trong thương trường hay trong nông nghiệp, mà từ việc lớn cho đến việc nhỏ, từ ý nghĩ cho đến câu nói, ta luôn luôn nêu gương đạo đức, tận tâm tận lực làm việc, sẵn sàng hy sinh quyền lợi của mình cho bạn đồng nghiệp, dần dần những người cộng sự sẽ bị nhiễm những đức tánh tốt đẹp của ta và sẵn sàng nghe theo những điều ta khuyên bảo.

Đồng sự nhiếp là một phương pháp có hiệu quả nhất để nhiếp hóa người chung quanh quay về con đường đạo. Bố thí nhiếp, ái ngữ nhiếp hay lợi hành nhiếp, mặc dù đều cảm hóa được người nhưng không thường trực và không ảnh hưởng sâu xa như đồng sự nhiếp. Chẳng hạn như người ta bố thí, hay lợi hành thì không phải lúc nào cũng ở bên cạnh ta, mà chỉ thỉnh thoảng mới được ân huệ ấy, còn ái ngữ thì chỉ hạn cuộc trong lời nói, mà lời nói dù có hay ho êm dịu bao nhiêu cũng không thể biến thành cơm thành áo, thành những nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống đau khổ, thiếu thốn của người chung quanh được.

Nhưng với đồng sự nhiếp, ta có thể giúp đỡ một cách thiết thực và thường xuyên cho những người cùng sống trong một hoàn cảnh, một nghề nghiệp với ta. Ta luôn luôn gần gũi, chung đụng họ, nên ta thấu rõ những hoài bão, tâm trạng, nhu cầu của họ, nhờ thế ta có thể giúp ích cho họ một cách có hiệu quả hơn. Ta trở thành một cột trụ chính cho họ nương tựa; vì thế ta có thể nhiếp hóa họ dễ dàng, sâu xa hơn. Một sự nhận xét thông thường là ở đâu, công sở hay tư sở, nhà máy hay nông trường, hễ có một Phật tử chân chính, thuần thành, gương mẫu thì ở đó số người theo Phật càng ngày càng đông, càng mạnh.

II . Lợi ích của Tứ nhiếp pháp

Nếu ta thực hành đúng theo Tứ nhiếp pháp, ta sẽ thấy những kết quả đẹp đẽ sau đây:

1. Về phương diện cá nhân

Ta sẽ là một con người gương mẫu; mỗi ý nghĩ, mỗi lời nói, mỗi hành động của ta đều là một hạt giống thiện gieo vào ruộng phước mà sau này ta sẽ gặt được những kết quả quý báu, tốt lành. Những gì của ta nói ra, làm ra đều được thông cảm, tán thành, mến phục. Ta có thể thu hút nhân tâm một cách dễ dàng, rộng rãi, và mỗi khi đi đến đâu, ta đều được tiếp đón một cách chân thành, nồng nhiệt. Do đó, ta sẽ dễ dàng thành công trong mọi việc.

2. Về phương diện gia đình

Khi người ngoài, xa lạ mà còn mến phục thương yêu ta, thì sao cha mẹ, vợ con, anh em là những người thân thuộc lại không quý mến ta được? Do ảnh hưởng tốt đẹp và uy tín của ta, mọi người trong gia đình đều trở thành thuần lương, đức độ cả. Và một gia đình gồm những phần tử như thế thì thế nào cũng được trên thuận dưới hòa, trong ấm ngoài êm, nghĩa là có hạnh phúc.

3. Về phương diện xã hội

Một người tu hạnh Tứ nhiếp pháp cũng đã gây được ảnh hưởng tốt lành và hoán cải được một phần nào hoàn cảnh xã hội. Số người tu Tứ nhiếp pháp càng nhiều thì xã hội lại càng được cải tiến và trở thành thuần lương, thiện mỹ.

Người ta thường trách Đạo Phật là tiêu cực, yếm thế. Những lời chỉ trích sai lầm ấy, chỉ đem một giáo lý Tứ nhiếp pháp này ra chứng minh, cũng đủ đánh đổ được ngay. Thật vậy, nếu áp dụng triệt để Tứ Nhiếp Pháp vào cuộc đời thực tế thì xã hội sẽ được cải tiến một cách vô cùng lợi lạc.

C. KẾT LUẬN

Như trên đã nói, Tứ Nhiếp Pháp là một pháp môn để cải tiến xã hội một cách có hiệu quả nhất. Nó lấy lợi sanh làm căn bản, lấy hạnh phúc của chúng sanh làm mục đích. Chúng ta hãy nhớ lại từng điểm một:

1. Hãy đem của cải giúp cho người túng thiếu, tật nguyền, đem Phật pháp giảng giải để cho mọi người cải ác tùng thiện, đem dụng lực tinh thần hay vật chất để che chở cho người chung quanh khỏi lo sợ.

2. Hãy nói lời ôn hòa, nhã nhặn để cảm hóa người ta đi theo con đường lành.

3. Hãy làm lợi ích cho mọi người trong mọi trường hợp.

4. Hãy hòa mình trong cuộc sống, trong công việc của người chung quanh, để nhận rõ được những nhu cầu thiết tha của họ, hầu giúp đỡ họ một cách có hiệu quả và đưa dần dần họ về con đường chính.

Vậy đã là Phật tử, chúng ta không thể đứng dưng trước những lời kêu gọi lợi tha ấy được.

Nếu chúng ta làm ngo, chúng ta chưa phải là Phật tử chân chính, vì chúng ta đã thiếu hai yếu tố quan trọng nhất để tu hành: đó là lòng

từ bi và lợi tha. Thiếu hai điểm ấy thì không bao giờ chúng ta có thể tiến triển trên đường đạo và thành Phật được.

(Như đã nói trên 10 pháp này không phải của Tôi. Tôi chỉ là người ghi lại cho các Bạn đọc.)

Tôi xin đúc kết chương này như sau:

- Muốn “Đắc Nhân Tâm” thì trước tiên phải đừng để “Thất Nhân Tâm”.

- Muốn không “Thất Nhân Tâm” thì phải vận dụng Lục hòa pháp trong sinh hoạt của mình để đạt tới cảnh “Không Thất Nhân Tâm”, tức cũng là đang gần gần lãnh địa “Đắc Nhân Tâm”.

- Muốn “Đắc Nhân Tâm” thì đừng chọn phương pháp nào khác mà áp dụng ngay “Tứ nhiếp pháp” của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni; phương pháp do CHÍNH TRUNG viết về đề tài “Đắc Nhân Tâm” chỉ là sự già hàm lão khẩu, chỉ là sự trình bày lại mười pháp đó một cách ba hoa chích chòe mà thôi! Khi các Bạn áp dụng, vận dụng, sử dụng được mười pháp trên, Tôi tin rằng các Bạn sẽ thành công.

*Chúc các Bạn đạt thành sở nguyện
Sự nghiệp hanh thông
Phục vụ ngày càng tốt hơn
Cho pháp giới chúng sanh.*

*Nguyện đem công đức này
Gởi về khắp tất cả
Phật tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo*

Nam mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát
Chứng minh
CHÍNH TRUNG
Cẩn bút

Gặp nhau
Hôm nay
Búp Sen Tây
Ô hay!
Tron do
Như Lúa
Đan Cửi



Phụ bản I

(Trích lục từ Kinh Na Tiên Tỳ Kheo,
Cao Hữu Đức dịch, **Minh Đức** in, 1971.)

6 NGUYÊN NHÂN LUÂN HỒI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI THOÁT

(trang 43 - 45)

...

Vua hỏi:

- Bạch Đại Đức, có ai chết rồi mà không sanh trở lại không?
- Những ai sanh trở lại và những ai không sanh trở lại?
- Ai còn nặng nợ tham dục ái ân, kẻ đó còn sanh trở lại đời sau. Ai đã thoát khỏi vòng tham dục ái ân, người đó không còn sanh trở lại nữa.
- Bạch Đại Đức, kẻ nào nhất tâm niệm chánh pháp có thoát khỏi luân hồi không?
- Tâu Đại Vương, nhất tâm niệm chánh pháp, nhưng lại còn phải đạt được trí tuệ và các điều thiện khác nữa thì mới thoát khỏi luân hồi.
- Nhất tâm và trí tuệ có đồng nghĩa với nhau không?
- Không.
- Gia súc như bò, ngựa, chó, mèo,... có trí tuệ không?
- Chúng có nhất tâm, nhưng không có trí tuệ.
- Nhất tâm và trí tuệ khác nhau như thế nào?

- Nhất tâm là định, có định mới có hiểu biết. Trí tuệ là đoạn, nhờ trí tuệ mà cắt đứt được phiền não mê lầm và chấm dứt luân hồi sanh tử.

- Xin ví dụ cho Trăm để hiểu.

- Đại Vương từng thấy thợ gặt lúa chứ? Tay trái họ gom lúa lại, trong khi đó thì tay mặt họ cầm lưỡi hái mà cắt. Cũng giống như thế, nhà tu hành dùng nhất tâm gom tư tưởng lại và dùng lưỡi hái trí tuệ cắt đứt phiền não ái dục. Phiền não ái dục đã cắt đứt thì vĩnh viễn không còn tái sanh. Luân hồi chấm dứt.

- Hay thay! Hay thay! Ví dụ của Đại Đức rõ lắm.

8 TƯƠNG QUAN GIỮA THÂN TRƯỚC VÀ THÂN SAU (trang 59 - 62)

Vua hỏi:

- Bạch Đại Đức, kinh Phật nói con người sau khi chết, tiếp tục thác sanh trở lại theo nghiệp lành hoặc nghiệp dữ đã gây, như vậy đó là con người cũ hay là một con người mới nào khác?

- Tâu Đại Vương, không phải con người cũ, nhưng cũng chẳng phải là con người cũ ra mà sanh một con người mới khác.

- Như thế nghĩa là thế nào?

Na Tiên chụp hỏi lại.

- Bệ Hạ hỏi còn bú vú mẹ, với Bệ Hạ cai trị trăm họ bây giờ có gì khác nhau không?

- Khác chứ! Hồi đó Trăm nhỏ dại, bây giờ Trăm lớn khôn.

- Như vậy thì lệnh Mẫu Hoàng ngày đó không phải là Mẫu Hoàng ngày nay! Lệnh Phụ Hoàng cũng thế. Và Bệ Hạ cũng chẳng có Phụ Đạo. Vì Ông Thầy ấy chỉ dạy đứa bé mười, mười lăm tuổi cách đây

mấy chục năm, chứ đâu có dạy Bệ Hạ bây giờ? Thân trước, thân sau khác nhau thì mẹ đẻ bé không phải là mẹ nhà vua! Người học trò thuở trước cũng không phải là Vua trong hiện tại và kẻ phạm tội giết người năm ngoái không phải là người bị cáo ra tòa ngày nay! Bệ Hạ làm sao buộc tội người ấy.

- Bạch Đại Đức, không phải như thế. Nhưng nếu có ai hỏi Đại Đức về khoản này thì Đại Đức giải đáp ra sao?

- Tâu Đại Vương, thân bản tăng lúc nhỏ với thân bản tăng bây giờ cũng là một thân thôi, thân ấy từ nhỏ đến lớn, trải qua nhiều quãng đời khác nhau nhưng được liên tục nuôi dưỡng bởi một sinh mạng.

- Xin cho ví dụ.

- Ví dụ như ngọn đèn thắp lên từ đầu hôm nó có thể cháy mãi cho tới sáng không?

- Có thể.

- Lửa ngọn đèn thắp lên từ đầu hôm với lửa ngọn đèn lúc nửa đêm và lửa ngọn đèn lúc gần sáng có phải là một không?

- Không.

- Trong ba khoảng thời gian khác nhau ấy, người ta có đốt ngọn đèn khác không?

- Vốn chỉ một ngọn đèn với một cái bấc và cùng một loại dầu từ đầu hôm cho đến tảng sáng.

- Trong con người cũng như thế đó, tâu Đại Vương, pháp này đi thì pháp kia tới. Trước sau tiếp nối nhau, không ngừng mà nuôi dưỡng tinh thần. Từ khi sinh ra cho đến lớn lên rồi già chết, nó lại thủ hướng đến một kiếp sống khác, cứ thế chuyển tiếp liên tục hoàn toàn. Cho nên nói rằng thân cũ sanh trở lại thì không.

- Đúng, nhưng nói là thân cũ ra mà có một thân mới khác cũng không được. Lại ví như sữa tươi mới vắt, để lâu thì thành sữa ôi thành bỏ... nói sữa tươi là sữa bỏ thì hẳn không phải, nhưng nói bỏ không do sữa tươi mà ra thì cũng sai. Cũng tương tự như thế, con người sanh ra với tinh thần và sau khi sanh ra thì lớn, già, rồi chết. Chết rồi, nó lại mang một thân mới mà sanh trở lại. Mất thân trước nó liền thọ thân sau. Cho nên nói người đầu thai sinh trở lại và người đã chết là một thì không đúng, mà nói chúng tách là khỏi nhau thì lại nhầm.

- Hay thay! Hay thay!

Phụ bản 2

(Trích lược từ Kinh Trung A Đàm, tập 1
Viện Nghiên cứu Phật Học Việt Nam, 1992.
tr. 23 - 29)

3. Kinh Thành Dụ

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật đến nước Xá Vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ Kheo:

- Như Vương thành ở biên giới có bảy việc đầy đủ và bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm, không khó, do đó Vương thành không bị ngoại địch đánh phá, ngoại trừ bên trong tự phá hoại.

Những gì là bảy việc mà Vương thành có đầy đủ? Là Vương thành ở biên giới xây cất những vọng gác đắp đất cho chắc không dễ phá vỡ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ nhất của Vương thành.

Lại nữa, như Vương thành ở biên giới có đào hào, vét ao cho thật sâu, sửa sang để có thể nương tựa, làm cho bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ hai của Vương thành.

Lại nữa, như dọn dẹp những con đường nối liền xung quanh Vương thành ở biên giới cho bằng phẳng, rộng rãi để bên trong được an ổn và chế ngự được oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ ba.

Lại nữa, như biên thành của vua tập trung các quân chủng: tượng quân, mã quân, bộ quân để bên trong được an ổn và chế ngự được oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ tư của Vương thành.

Lại nữa, như Vương thành ở biên giới chuẩn bị binh khí, cung tên, mâu, kích để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ năm của Vương thành.

Lại nữa, như Vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ, sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vát, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu lược, người hiền lành thì cho vào, kẻ không lương thiện thì cấm để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ sáu của Vương thành.

Lại nữa, như Vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên cố, trét bùn, tô đất để bên trong được an ổn và chế ngự được oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ bảy của Vương thành.

Bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm, không khó là gì? Là biên thành ở biên giới có sẵn, có chuẩn bị nước, cỏ, củi, gỗ để bên trong được an ổn và chế ngự được oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ nhất sung túc, dễ tìm, không khó ở Vương thành.

Lại nữa, như Vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ hai sung túc, dễ tìm, không khó ở Vương thành.

Lại nữa, như Vương thành ở biên giới chứa nhiều đậu lima, đại đậu, tiểu đậu để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ ba sung túc, dễ tìm, không khó ở Vương thành.

Lại nữa, như Vương thành ở biên giới cất chứa bơ dầu, mật, mía, đường, cá, muối, thịt khô, tất cả đều đầy đủ để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ ba sung túc, dễ tìm không khó ở Vương thành.

Như vậy, Vương thành đầy đủ bảy việc, bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm, không khó nên không bị ngoại địch đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá.

Cũng vậy, nếu Thánh đệ tử cũng được bảy Thiện pháp và bốn Tăng thượng tâm dễ được, không khó thì vị Thánh đệ tử không bị ma vương lung lạc, cũng không theo pháp ác, bất thiện, không bị nhiễm phiền não, không cần thọ sanh trở lại.

(Sau đây là tóm tắt đại ý lời Đức Phật chỉ ra bảy Thiện pháp và bốn tăng thượng tâm dành cho người học Phật để không bị ma vương lung lạc).

Bảy Thiện pháp

1. Có lòng tin kiên cố sâu xa đối với Như Lai.
2. Thực hành lòng xấu hổ, ghét pháp bất thiện, ô uế.
3. Lập lại điều trên.
4. Thực hành tinh tấn đoạn trừ ác bất thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhậ làm các gốc thiện, không bỏ phương tiện.
5. Học rộng nghĩ nhiều, nhớ đủ, tư duy, quán sát sâu.
6. Thực hành chánh niệm ghi nhớ lâu những điều đã học, đã nghe.
7. Tu hành trí tuệ, quan sát sự hưng suy của các pháp.

Bốn Tăng Thượng tâm

1. Ly dục, ly ác, và pháp bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc.
2. Dứt giác, quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán định sanh hỷ lạc.
3. Xả niệm hỷ lạc, trư không.
4. Xả niệm thanh tịnh.

Phụ bản 3

*(Trích từ Từ Ni Sadi Oai nghi Cảnh sách,
Thiền môn trường hàng luật gia cấp,
Thích Đạt Hương soạn giả,
Chùa Ấn Quang ấn hành, 1966, tr.7.)*

Từ Ni Nhứt Dụng yếu lược

.....

.....

.....

Ấm thủy

Phật quán nhứt bát thủy
Bát vạn tứ thiên trùng
Nhược bất trì thử chú
Như thực chúng sanh nhục

Dịch:

Uống nước

Phật xem một bát nước
Tám muôn bốn ngàn trùng
Nếu không trì chú này
Như ăn thịt chúng sanh.
Án phạt tất bả a ma ni tá la.